

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH VĂN HÓA DU LỊCH

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI ĐẢO CÔ TÔ,
QUẢNG NINH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH VĂN HÓA DU LỊCH**

**Sinh viên :Trần Vinh Tiến
Giảng viên hướng dẫn:Ths. Nguyễn Thị Phương Thảo**

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Vinh Tiến

Mã số: 1412601025

Lớp: VH1801

Ngành: Văn hóa Du lịch

Tên đề tài: Phát triển du lịch sinh thái tại đảo Cô Tô, Quảng Ninh theo hướng bền vững.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

a. Nội dung:

- Tổng quan cơ sở lý luận về phát triển du lịch sinh thái và phát triển du lịch bền vững.

- Xác định các tiềm năng và thế mạnh để phát triển du lịch sinh thái, đánh giá thực trạng phát triển du lịch sinh thái thông qua việc nhận diện các vấn đề tồn tại cũng như những nguyên nhân của chúng trong phát triển du lịch sinh thái ở huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh.

b. Các yêu cầu cần giải quyết

- Đề xuất các giải pháp để phát triển du lịch sinh thái tại Cô Tô, Quảng Ninh theo hướng bền vững.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Khách sạn Giếng Ngọc (Cát Bà – Hải Phòng)

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Phương Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

- Tổng quan cơ sở lý luận về phát triển du lịch sinh thái và phát triển du lịch bền vững.
- Xác định các tiềm năng và thế mạnh để phát triển du lịch sinh thái, đánh giá thực trạng phát triển du lịch sinh thái thông qua việc nhận diện các vấn đề tồn tại cũng như những nguyên nhân của chúng trong phát triển du lịch sinh thái ở huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh.
- Đề xuất các giải pháp để phát triển du lịch sinh thái tại Cô Tô, Quảng Ninh theo hướng bền vững.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 6 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 03 tháng 9 năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của đề tài (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2018

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

LỜI CẢM ƠN

Trải qua 4 năm học tại trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, được sự phân công của quý thầy cô khoa Du lịch, sau khi thực tập xong em đã hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp.

Để thực hiện và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này, ngoài sự nỗ lực của bản thân em đã nhận được sự quan tâm giúp đỡ nhiệt tình về nhiều mặt của các tổ chức và các cá nhân, bạn bè trong và ngoài trường.

Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến cô ThS.Nguyễn Thị Phương Thảo người đã trực tiếp tận tình hướng dẫn và giúp đỡ em trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành khóa luận.

Em xin cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của lãnh đạo UBND huyện Cô Tô, phòng Thống kê, phòng Tài nguyên môi trường, phòng Lao động thương binh và Xã hội, Ban quản lý du lịch Cô Tô, Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, UBND các xã và những hộ dân đã tạo điều kiện và giúp đỡ em vô tư cung cấp số liệu, tư liệu khách quan và nói lên những suy nghĩ của mình để giúp em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Tuy nhiên vì kiến thức chuyên môn còn hạn chế và bản thân còn thiếu nhiều kinh nghiệm thực tiễn nên nội dung của báo cáo không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận sự góp ý, chỉ bảo thêm của quý thầy cô cùng toàn thể cán bộ, công nhân viên tại các doanh nghiệp để báo cáo này được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa xin gửi đến thầy cô, bạn bè cùng các cô chú, anh chị tại các doanh nghiệp lời cảm ơn chân thành và tốt đẹp nhất.

Hải Phòng, ngày 3 tháng 9 năm 2018

Sinh viên thực hiện

Tiến

Trần Vinh Tiến

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH SINH THÁI VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG	4
1.1. Khái niệm, đặc trưng, nguyên tắc của du lịch sinh thái	4
1.2. Các điều kiện phát triển du lịch sinh thái	11
1.3. Khái niệm, mục tiêu, nguyên tắc phát triển du lịch bền vững.....	16
Tiểu kết chương 1	20
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH SINH THÁI TẠI CÔ TÔ QUẢNG NINH	21
2.1. Khái quát về Cô Tô ,Quảng Ninh.	21
2.1.1. Vị trí địa lý của Cô Tô	21
2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển	21
2.1.3. Tình hình kinh tế, xã hội.....	22
2.2. Điều kiện phát triển du lịch sinh thái.....	25
2.2.1. Tài nguyên du lịch sinh thái	25
2.2.2. Nhân lực du lịch	28
2.2.3. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch.....	29
2.2.4. Chính sách phát triển du lịch sinh thái.....	31
2.3. Thực trạng phát triển du lịch sinh thái tại Cô Tô	32
2.3.1. Khách du lịch sinh thái tại Cô Tô	32
2.3.2. Các hoạt động du lịch sinh thái.....	33
2.3.3. Doanh thu từ du lịch sinh thái.....	35
2.3.4. Hiện trạng sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch cho du lịch sinh thái....	36
2.3.5. Hiện trạng sử dụng nguồn nhân lực cho du lịch sinh thái	41
2.3.6. Hiện trạng công tác xúc tiến du lịch sinh thái.....	42
2.4. Đánh giá chung.....	43
2.4.1 Thuận lợi	43
2.4.2. Khó khăn	44

Tiểu kết chương 2.....	45
CHƯƠNG 3 ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI CÔ TÔ - QUẢNG NINH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG.....	46
3.1. Mục tiêu, định hướng phát triển du lịch của Quảng Ninh.....	46
3.1.1. Mục tiêu.....	46
3.1.2. Định hướng phát triển.....	48
3.2. Một số giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại Cô Tô theo hướng bền vững.	49
3.2.1. Bảo vệ tài nguyên du lịch sinh thái và môi trường du lịch	50
3.2.2. Giải pháp thu hút cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái	52
3.2.3. Giải pháp về đào tạo và phát triển nhân lực du lịch	54
3.2.4. Giải pháp về phát triển sản phẩm du lịch sinh thái	55
3.2.5. Giải pháp về quy hoạch phát triển du lịch sinh thái	57
3.2.6. Giải pháp thu hút đầu tư, tăng cường quảng bá du lịch sinh thái	59
Tiểu kết chương 3.....	63
KẾT LUẬN	64
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

Phần mở đầu

1. Lý do chọn đề tài

Trong những năm gần đây du lịch ngày càng khẳng định vị thế của mình đối với sự phát triển của nền kinh tế xã hội, nhất là trong điều kiện đời sống, kinh tế, văn hóa, xã hội ngày càng cao. Cùng với sự phát triển của ngành du lịch nói chung thì du lịch sinh thái đã và đang phát triển mạnh mẽ trên toàn cầu và trở thành mối quan tâm lớn của nhiều quốc gia trong chiến lược phát triển du lịch trong đó có Việt Nam.

Du lịch sinh thái là loại hình du lịch có trách nhiệm, du lịch dựa vào thiên nhiên, hỗ trợ cho các mục tiêu bảo tồn tự nhiên và phát triển cộng đồng và đây là loại hình du lịch có đóng góp thiết thực cho việc phát triển bền vững, bảo vệ tự nhiên và mang lại lợi ích kinh tế. Chính vì vậy, du lịch sinh thái đã trở thành mục tiêu phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới về du lịch trong đó cả Việt Nam.

Cô Tô là một huyện đảo trực thuộc tỉnh Quảng Ninh được thành lập năm 1994 với tổng chiều dài biên giới biển giáp Trung Quốc hơn 200km, nối với vùng biển Bạch Long Vĩ của Hải Phòng làm nên hải phận Vịnh Bắc Bộ. Với diện tích 46,2 km² bao gồm 50 đảo lớn nhỏ, huyện đảo Cô Tô thuộc tỉnh Quảng Ninh có vị trí đặc biệt quan trọng về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng ở khu vực biển đảo phía Đông Bắc của tổ quốc.

Với hệ thống tài nguyên thiên nhiên, biển đảo đa dạng, phong phú, đồng thời lưu giữ những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đặc biệt quan trọng đối với cả nước, Cô Tô là một điểm đến có điều kiện rất tốt để phát triển du lịch đặc biệt là du lịch sinh thái. Tuy nhiên, phát triển du lịch sinh thái tại Cô Tô còn có nhiều khó khăn cần giải quyết như: điện, nước, phương tiện giao thông, cơ sở hạ tầng du lịch, nguồn nhân lực du lịch, và bảo tồn các giá trị tài nguyên cho phát triển du lịch,... Vì vậy em đã chọn đề tài “***Phát triển du lịch sinh thái tại đảo Cô Tô, Quảng Ninh theo hướng bền vững***”. với mong muốn sẽ khai thác và phát triển

hiệu quả hơn loại hình du lịch sinh thái tại đây và góp phần phát triển du lịch sinh thái ở đây theo hướng bền vững.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng thực trạng phát triển du lịch sinh thái tại Cô Tô từ đó đưa ra giải pháp để phát triển du lịch sinh thái tại Cô Tô theo hướng bền vững.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên cần nghiên cứu ba nhiệm vụ chính là :

- Tổng quan cơ sở lý luận về phát triển du lịch sinh thái và phát triển du lịch bền vững.

- Xác định các tiềm năng và thế mạnh để phát triển du lịch sinh thái, đánh giá thực trạng phát triển du lịch sinh thái thông qua việc nhận diện các vấn đề tồn tại cũng như những nguyên nhân của chúng trong phát triển du lịch sinh thái ở huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh.

- Đề xuất các giải pháp để phát triển du lịch sinh thái tại Cô Tô, Quảng Ninh theo hướng bền vững.

4. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Loại hình du lịch sinh thái tại Cô Tô, Quảng Ninh.

- Phạm vi nghiên cứu:

+Không gian: Khóa luận nghiên cứu tại huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh.

+Thời gian: Khóa luận sử dụng các tài liệu từ năm 2013 – 2018. Khóa luận được thực hiện từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2018.

5. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp thu thập xử lý thông tin:*

Phương pháp này nhằm thu thập những thông tin và các vấn đề có liên quan và xử lý chúng để đưa ra nhận xét và kết luận. Các tài liệu có được trong khóa luận từ các công trình nghiên cứu trước đó, các bài viết, báo cáo, và các phương tiện thông tin đại chúng như: báo giấy, website,... Phương pháp nghiên cứu này giúp tiết kiệm thời gian và kinh phí để khái quát được các vấn đề nghiên

cứu tại huyện Cô Tô giải đoạn từ năm 2013 – 2018 từ đó có thể tiến hành xử lý thông tin, đánh giá thực trạng để đưa ra các giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại Cô Tô.

- *Phương pháp khảo sát thực địa:*

Đây là phương pháp nghiên cứu truyền thống để có được cái nhìn cụ thể chân thực về nơi nghiên cứu để áp dụng và bổ sung hoàn chỉnh vào khóa luận hoàn chỉnh hơn. Đây là phương pháp vô cùng quan trọng để thu thập được những thông tin chính xác, xác thực cho đề tài nghiên cứu.

Chuyên đi khảo sát thực tế huyện đảo trong thời gian từ ngày 20/7/2018 đến 22/7/2018 bao gồm các hoạt động quay phim, chụp ảnh các điểm du lịch, danh lam thắng cảnh, các hoạt động kinh tế du lịch và xã hội tại địa bàn . Ghi chép các thông tin, số liệu đặc điểm tự nhiên về huyện đảo, quan sát các hiện tượng tự nhiên, quang cảnh trên đảo Cô Tô...

6. Bố cục khóa luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, mục lục, phần nội dung của khóa luận gồm 3 chương sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về du lịch sinh thái và phát triển du lịch bền vững.

Chương 2: Thực trạng hoạt động du lịch sinh thái tại Cô Tô, Quảng Ninh.

Chương 3: Giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại Cô Tô - Quảng Ninh theo hướng bền vững.

CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH SINH THÁI VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

1.1. Khái niệm, đặc trưng, nguyên tắc của du lịch sinh thái

1.1.1. Khái niệm

Theo Tổ chức Du lịch Thế giới (World Tourist Organization), một tổ chức thuộc Liên Hiệp Quốc, “Du lịch bao gồm tất cả mọi hoạt động của người du hành, tạm trú, trong mục đích tham quan, khám phá và tìm hiểu, trải nghiệm hoặc trong mục đích nghỉ ngơi, giải trí, thư giãn; cũng như mục đích hành nghề và những mục đích khác nữa, trong thời gian liên tục nhưng không quá một năm, ở bên ngoài môi trường sống định cư; nhưng loại trừ các du hành có mục đích là kiếm tiền”. Du lịch cũng là dạng nghỉ ngơi năng động trong môi trường sống khác hẳn nơi định cư. Du lịch là ngành không khói, ít gây ô nhiễm môi trường, giúp khách du lịch vừa được nghỉ ngơi, giảm stress vừa biết thêm nhiều điều hay mới lạ mà khách chưa biết. Du lịch còn góp phần phát triển kinh tế của đất nước, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

“Du lịch sinh thái” là một khái niệm tương đối mới ở Việt Nam và đã thu hút được sự quan tâm của nhiều lĩnh vực. Đây là một khái niệm rộng được hiểu theo nhiều góc độ khác. Đối với một số người, “Du lịch sinh thái” được hiểu một cách đơn giản là sự kết hợp ý nghĩa của hai từ ghép “Du lịch” và “sinh thái”.

Tuy nhiên cần có góc nhìn rộng hơn, tổng quát hơn để hiểu du lịch sinh thái một cách đầy đủ. Trong thực tế khái niệm “Du lịch sinh thái” đã xuất hiện những năm 1800. Với khái niệm này mọi hoạt động du lịch có liên quan đến thiên nhiên như: tắm biển, nghỉ núi,... đều hiểu là du lịch sinh thái. Cho đến nay khái niệm về du lịch sinh thái vẫn được hiểu dưới nhiều góc độ khác với nhiều tên gọi khác. Vẫn còn nhiều tranh luận nhằm đưa ra một định nghĩa chung được chấp nhận về du lịch sinh thái, đa số ý kiến tại các diễn đàn quốc tế chính thức về du lịch sinh thái đều cho rằng: Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên, hỗ trợ các hoạt động bảo tồn và được quản lý bền vững về mặt sinh

thái. Du khách sẽ được hướng dẫn tham gia với những diễn đàn cần thiết về môi trường để nâng cao hiểu biết, cảm nhận được giá trị thiên nhiên và văn hóa mà không gây ra những tác động không thể chấp nhận được đối với các hệ sinh thái và văn hóa bản địa.

Du lịch sinh thái là loại hình du lịch có những đặc tính cơ bản như:

Tổ chức thực hiện và dựa vào những giá trị thiên nhiên và văn hóa bản địa.

Được quản lý bền vững về môi trường sinh thái.

Có giáo dục và diễn giải về môi trường.

Có đóng góp cho những nỗ lực bảo tồn và phát triển cộng đồng.

Định nghĩa tương đối hoàn chỉnh về du lịch sinh thái lần đầu tiên được Hector Ceballos-Lascurain đưa ra vào năm 1987: “Du lịch sinh thái là du lịch đến khu vực tự nhiên còn ít bị biến đổi, với những mục đích đặc biệt: nghiên cứu, tham quan với ý thức trân trọng thế giới hoang dã và những giá trị văn hóa được khám phá”.

Có rất nhiều định nghĩa khác về du lịch sinh thái trong đó Buckley (1994) đã tổng quát như sau: “Chỉ có du lịch dựa vào thiên nhiên, được quản lý bền vững, hỗ trợ bảo tồn, và có giáo dục môi trường mới được xem là du lịch sinh thái”.

Như vậy, du lịch sinh thái là hoạt động du lịch không chỉ đơn thuần là du lịch ít tác động đến môi trường tự nhiên mà là du lịch có trách nhiệm với môi trường tự nhiên, có tính giáo dục và diễn giải cao về tự nhiên, có đóng góp cho hoạt động bảo tồn và đem lại lợi ích cho cộng đồng địa phương.

Ở Việt Nam, du lịch sinh thái là một lĩnh vực mới được nghiên cứu từ giữa những thập kỉ 90 của thế kỷ XX, xong đã thu hút được sự quan tâm đặc biệt của các nhà nghiên cứu về du lịch và môi trường. Do trình độ nhận thức khác nhau, ở những góc độ nhìn nhận khác nhau. Khái niệm về du lịch sinh thái cũng chưa có nhiều điểm thống nhất. Để có sự thống nhất về khái niệm là cơ sở cho công tác nghiên cứu và hoạt động thực tiễn của du lịch sinh thái, Tổng cục du

lich Việt Nam đã phối hợp với nhiều tổ chức quốc tế như ESCAP, WWF... có sự tham gia của các chuyên gia, các nhà khoa học quốc tế Việt Nam về du lịch sinh thái và các lĩnh vực liên quan, tổ chức hội thảo quốc gia về “Xây dựng chiến lược phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam” từ ngày 7 đến 9/9/1999. Một trong những kết quả quan trọng của hội thảo lần đầu tiên đã đưa ra định nghĩa về du lịch sinh thái ở Việt Nam theo đó: “Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương”. Khái niệm này cũng là khái niệm được sử dụng trong quá trình nghiên cứu đề tài.

Du lịch sinh thái còn có những tên gọi khác nhau:

Du lịch thiên nhiên (Nature Tourism).

Du lịch dựa vào thiên nhiên (Nature based Tourism).

Du lịch môi trường (Environmental Tourism).

Du lịch đặc thù (Particcular Tourism).

Du lịch xanh (Green Tourism).

Du lịch thám hiểm (Adventure Tourism).

Du lịch bản xứ (Indigennous Tourism).

Du lịch có trách nhiệm (Responsible Tourism).

Du lịch nhạy cảm (Sensitized Tourism).

Du lịch nhà tranh (Cottage Tourism).

Du lịch bền vững (Sustainable Tourism).

Du lịch sinh thái là loại hình du lịch diễn ra trong các vùng có hệ sinh thái tự nhiên còn bảo tồn tốt nhằm mục tiêu nghiên cứu, chiêm ngưỡng, thưởng thức phong cảnh, động thực vật cũng như các giá trị văn hóa hiện hữu.

Tuy nhiên gần đây, người ta cho rằng nội dung căn bản của du lịch sinh thái là tập trung vào mức độ trách nhiệm của con người với môi trường. Quan điểm thụ động cho rằng du lịch sinh thái là du lịch hạn chế tối đa các suy thoái môi trường do du lịch tạo ra, là sự ngăn ngừa các tác động tiêu cực lên sinh thái,

văn hóa và thẩm mỹ. Quan điểm chủ động cho rằng du lịch sinh thái còn phải đóng góp vào quản lý bền vững môi trường lãnh thổ du lịch và phải quan tâm đến quyền lợi của nhân dân địa phương. Do đó, đã có một khái niệm tương đối đầy đủ ra đời: “Du lịch sinh thái là du lịch có trách nhiệm với các khu thiên nhiên là nơi bảo tồn môi trường và cải thiện phúc lợi cho nhân dân địa phương”.

1.1.2. Đặc trưng của du lịch sinh thái

Mọi hoạt động phát triển du lịch nói chung và du lịch sinh thái nói riêng đều được thực hiện trên cơ sở khai thác những giá trị của tài nguyên du lịch tự nhiên, văn hóa, lịch sử kèm theo các điều kiện về cơ sở hạ tầng và dịch vụ. Kết quả của quá trình khai thác đó là sự hình thành những sản phẩm du lịch từ các tiềm năng về tài nguyên, đem lại nhiều lợi ích cho xã hội.

Trước tiên đó là những lợi ích kinh tế - xã hội, tạo ra nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm, nâng cao đời sống kinh tế cho cộng đồng địa phương thông qua các dịch vụ du lịch, tạo điều kiện cho việc bảo tồn các giá trị văn hóa, lịch sử và sự đa dạng của thiên nhiên nơi có những hoạt động phát triển du lịch.

Sau nữa là những lợi ích đem lại cho khách du lịch trong việc hưởng thụ các cảnh quan thiên nhiên mới lạ và độc đáo, các truyền thống văn hóa lịch sử, những đặc thù dân tộc mà trước đó họ chưa biết tới, các giá trị thiên nhiên, văn hóa lịch sử của nơi họ đến nói riêng và của hành tinh nói chung.

Du lịch sinh thái là một dạng của hoạt động du lịch, vì vậy nó cũng bao gồm tất cả những đặc trưng cơ bản của hoạt động du lịch nói chung, bao gồm:

Tính đa ngành: Tính đa ngành thể hiện ở đối tượng được khai thác để phục vụ du lịch(sự hấp dẫn về cảnh quan tự nhiên, các giá trị lịch sử, văn hóa, cơ sở hạ tầng và các dịch vụ kèm theo...)

Thu nhập xã hội từ du lịch cũng mang lại nguồn thu cho nhiều ngành kinh tế khác nhau thông qua các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách du lịch(điện, nước, nông sản, hàng hóa...)

Tính đa thành phần: Biểu hiện ở tính đa dạng trong thành phần khách du lịch, những người phục vụ du lịch, cộng đồng địa phương, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ, các tổ chức tham gia vào hoạt động du lịch.

Tính đa mục tiêu: Biểu hiện ở những lợi ích đa dạng về bảo tồn thiên nhiên, cảnh quan lịch sử - văn hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống của khách du lịch và người tham gia hoạt động dịch vụ du lịch, mở rộng sự giao lưu văn hóa, kinh tế và nâng cao ý thức trách nhiệm của mọi thành viên trong xã hội.

Tính liên vùng: Biểu hiện thông qua các tuyến du lịch, với một quần thể các điểm du lịch trong một khu vực, một quốc gia hay giữa các quốc gia với nhau.

Tính mùa vụ: Biểu hiện ở thời gian diễn ra hoạt động du lịch tập trung với cường độ cao trong năm. Tính mùa vụ thể hiện rõ nhất ở các loại hình du lịch nghỉ biển, thể thao theo mùa... (theo tính chất của khí hậu) hoặc loại hình du lịch nghỉ cuối tuần, vui chơi giải trí... (theo tính chất công việc của những người hưởng thụ sản phẩm du lịch).

Tính chi phí: Biểu hiện ở chỗ mục đích đi du lịch là hưởng thụ các sản phẩm du lịch chứ không phải với mục tiêu kiếm tiền.

Tính xã hội hóa: Biểu hiện ở việc thu hút toàn bộ mọi thành phần trong xã hội tham gia (có thể trực tiếp hoặc gián tiếp) vào hoạt động du lịch.

Bên cạnh các đặc trưng của ngành du lịch nói chung, du lịch sinh thái cũng hàm chứa những đặc trưng riêng, bao gồm:

- Tính giáo dục cao về môi trường: du lịch sinh thái hướng con người tiếp cận gần hơn nữa với các vùng tự nhiên và các khu bảo tồn, nơi có giá trị cao về đa dạng sinh học và rất nhạy cảm về mặt môi trường. Hoạt động du lịch gây nên những áp lực lớn đối với môi trường, và du lịch sinh thái được coi là chiếc chìa khóa nhằm cân bằng giữa mục tiêu phát triển du lịch với việc bảo vệ môi trường.

- Góp phần bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên và duy trì tính đa dạng sinh học: Hoạt động du lịch sinh thái có tác dụng giáo dục con người bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường, qua đó hình thành ý thức bảo vệ các

nguồn tài nguyên thiên nhiên cũng như thúc đẩy các hoạt động bảo tồn, đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững.

- Thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương: Cộng đồng địa phương chính là những người chủ sở hữu các nguồn tài nguyên thiên nhiên tại địa phương mình. Phát triển du lịch sinh thái hướng con người đến các vùng tự nhiên hoang sơ, có giá trị cao về đa dạng sinh học, điều này đặt ra một yêu cầu cấp bách là cần phải có sự tham gia của cộng đồng địa phương tại khu vực đó, bởi vì hơn ai hết chính những người dân địa phương tại đây hiểu rõ nhất về nguồn tài nguyên của mình. Sự tham gia của cộng đồng địa phương có tác dụng to lớn trong việc giáo dục du khách bảo vệ các nguồn tài nguyên và môi trường, đồng thời cũng góp phần nâng cao hơn nữa nhận thức cho cộng đồng, tăng các nguồn thu nhập cho cộng đồng.

1.1.3. Nguyên tắc của hoạt động du lịch sinh thái

Hoạt động du lịch sinh thái cần tuân theo một số nguyên tắc sau:

❖ Có hoạt động giáo dục và diễn giải nhằm nâng cao hiểu biết về môi trường, qua đó tạo ý thức tham gia vào các nỗ lực bảo tồn.

Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của hoạt động du lịch sinh thái, tạo ra sự khác biệt rõ ràng giữa du lịch sinh thái với các loại hình du lịch dựa vào tự nhiên khác. Du khách khi rời khỏi nơi mình đến tham quan sẽ phải có được sự hiểu biết cao hơn về các giá trị của môi trường tự nhiên, về những đặc điểm sinh thái khu vực và văn hóa bản địa. Với những hiểu biết đó, thái độ cư xử của du khách sẽ thay đổi, được thể hiện bằng những nỗ lực tích cực hơn trong hoạt động bảo tồn và phát triển những giá trị về tự nhiên, sinh thái và văn hóa khu vực.

❖ Bảo vệ môi trường và duy trì hệ sinh thái

Cũng như hoạt động của các loại hình du lịch khác, hoạt động du lịch sinh thái tiềm ẩn những tác động tiêu cực đối với môi trường và tự nhiên. Nếu như đối với những loại hình du lịch khác, vấn đề bảo vệ môi trường, duy trì hệ sinh

thái chưa phải là những ưu tiên hàng đầu thì ngược lại, du lịch sinh thái coi đây là một trong những nguyên tắc cơ bản, quan trọng cần tuân thủ, bởi vì:

- Việc bảo vệ môi trường và duy trì các hệ sinh thái chính là mục tiêu hoạt động của du lịch sinh thái.

- Sự tồn tại của du lịch sinh thái gắn liền với môi trường tự nhiên và các hệ sinh thái. Sự xuống cấp của môi trường, sự suy thoái các hệ sinh thái đồng nghĩa với sự đi xuống của hoạt động du lịch sinh thái.

Với nguyên tắc này, mọi hoạt động du lịch sinh thái sẽ phải được quản lý chặt chẽ để giảm thiểu tác động tới môi trường, đồng thời một phần thu nhập từ hoạt động du lịch sinh thái sẽ được đầu tư để thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường và duy trì sự phát triển các hệ sinh thái.

❖ Bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa cộng đồng

Đây được xem là một trong những nguyên tắc quan trọng đối với hoạt động du lịch sinh thái, bởi các giá trị văn hóa bản địa là một bộ phận hữu cơ không thể tách rời các giá trị môi trường của hệ sinh thái ở một khu vực cụ thể. Sự xuống cấp hoặc thay đổi tập tục, sinh hoạt văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương dưới tác động nào đó sẽ làm mất đi sự cân bằng sinh thái tự nhiên vốn có của khu vực và vì vậy sẽ làm thay đổi hệ sinh thái đó. Hậu quả của quá trình này sẽ tác động trực tiếp đến du lịch sinh thái.

Chính vì vậy, việc bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa cộng đồng địa phương có ý nghĩa quan trọng và là nguyên tắc hoạt động của du lịch sinh thái.

❖ Tạo cơ hội có việc làm và mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương

Đây vừa là nguyên tắc vừa là mục tiêu hướng tới của du lịch sinh thái. Nếu như các loại hình du lịch thiên nhiên khác ít quan tâm đến vấn đề này và phần lớn lợi nhuận từ các hoạt động du lịch đều thuộc về các công ty điều hành thì ngược lại, du lịch sinh thái sẽ dành một phần đáng kể lợi nhuận từ hoạt động của mình để đóng góp nhằm cải thiện môi trường sống của cộng đồng địa phương.

Ngoài ra, du lịch sinh thái luôn hướng tới việc huy động tối đa sự tham gia của người dân địa phương, như đảm nhiệm vai trò hướng dẫn viên, đáp ứng chỗ nghỉ cho khách, cung ứng các nhu cầu về thực phẩm, hàng lưu niệm cho khách... thông qua đó sẽ tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương. Kết quả là cuộc sống của người dân sẽ ít bị phụ thuộc hơn vào việc khai thác tự nhiên, đồng thời họ sẽ nhận thấy lợi ích của việc bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên để phát triển du lịch sinh thái. Sức ép của cộng đồng đối với môi trường vốn đã tồn tại từ bao đời nay sẽ giảm đi và chính cộng đồng địa phương sẽ là những người chủ thực sự, những người bảo vệ trung thành các giá trị tự nhiên và văn hóa bản địa của nơi diễn ra hoạt động du lịch sinh thái.

1.2. Các điều kiện phát triển du lịch sinh thái

1.2.1. Tài nguyên du lịch sinh thái

Tài nguyên du lịch sinh thái là một bộ phận quan trọng của tài nguyên du lịch, bao gồm các giá trị tự nhiên thể hiện trong một hệ sinh thái cụ thể và các giá trị văn hoá bản địa tồn tại và phát triển không tách rời hệ sinh thái tự nhiên đó. Như vậy, tài nguyên du lịch sinh thái bao gồm các giá trị về tự nhiên còn tương đối hoang sơ nguyên vẹn và các giá trị bản địa

Các giá trị tự nhiên trong tài nguyên du lịch sinh thái có thể kể đến như các hệ sinh thái điển hình và đa dạng sinh học bao gồm: hệ sinh thái rừng nhiệt đới, hệ sinh thái núi cao, hệ sinh thái đất ngập nước, hệ sinh thái san hô, cỏ biển, hệ sinh thái vùng cát ven biển, hệ sinh thái biển - đảo; các tài nguyên du lịch sinh thái đặc thù như miệt vườn, sân chim, cảnh quan tự nhiên.

Văn hóa bản địa trong tài nguyên du lịch sinh thái là các giá trị về vật chất và tinh thần được hình thành trong quá trình phát triển của một cộng đồng dân cư, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa thế giới tự nhiên và con người trong không gian một hệ sinh thái tự nhiên cụ thể. Văn hoá bản địa là một bộ phận đặc biệt của đa dạng văn hoá - một cấu thành quan trọng của đa dạng sinh học, góp phần tạo nên nền văn hoá nói chung của một dân tộc, một quốc gia.

Các giá trị văn hoá bản địa thường được khai thác với tư cách là tài nguyên du lịch sinh thái bao gồm :

Kiến thức canh tác, khai thác, bảo tồn và sử dụng các loài sinh vật phục vụ cuộc sống của cộng đồng.

Đặc điểm sinh hoạt văn hoá với các lễ hội truyền thống.

Kiến trúc dân gian công trình gắn với các truyền thuyết, đặc điểm tự nhiên của khu vực.

Các sản phẩm thủ công mỹ nghệ gắn liền với cuộc sống của cộng đồng.

Các di tích lịch sử văn hoá, khảo cổ gắn liền với lịch sử phát triển, tín ngưỡng của cộng đồng.

Một khu vực được ưu tiên lựa chọn để phát triển du lịch sinh thái cần phải có một số yêu cầu sau:

Có cảnh quan tự nhiên đẹp, hấp dẫn, cùng với sự phong phú và độc đáo của các giá trị văn hóa bản địa, có tính đại diện cho một vùng.

Có tính đại diện cao cho 1 hoặc một vài hệ sinh thái điển hình, với tính đa dạng sinh học cao, có sự tồn tại của những loài sinh vật đặc hữu có giá trị khoa học, có thể dùng làm nơi tham quan nghiên cứu.

Gần với những khu du lịch khác trong vùng để có thể tổ chức 1 tour du lịch trọn gói, trong đó khu vực được chọn là 1 khu du lịch sinh thái quan trọng và nổi bật.

Có những điều kiện để đáp ứng được yêu cầu của du lịch sinh thái về cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật,... và có thể tiếp cận một cách dễ dàng thuận lợi.

Theo đó du lịch sinh thái là loại hình du lịch có sự tương tác trực tiếp cũng như có sự quan tâm từ phía con người đến môi trường thiên nhiên và tìm đến những vùng sinh thái để cải thiện đời sống kinh tế, phúc lợi xã hội, sức khỏe và hưởng thụ, khám phá tìm tòi những cái mới, cái đẹp, sự trong lành, yên tĩnh của thế giới tự nhiên, góp phần hình thành mối quan hệ hữu cơ, có sự hòa đồng giữa và hơn nữa con người cần có ý thức trách nhiệm làm cho thiên nhiên trở

nên phong phú, có độ duy trì bền vững để đáp ứng trở lại cái nhu cầu du lịch sinh thái của con trong hiện tại và tương lai.

Để phát triển du lịch sinh thái thì điều tất yếu là phải có sự tồn tại của hệ sinh thái tự nhiên điển hình với độ đa dạng sinh thái cao. “Sinh thái” có thể được xem như là sự kết hợp hài hòa về điều kiện địa lý, khí hậu, động thực vật bao gồm: sinh thái tự nhiên, sinh thái động vật, sinh thái thực vật, sinh thái nhân văn... Vấn đề đa dạng sinh thái thể hiện sự khác nhau của các kiểu cộng sinh tạo nên cơ thể sống, mối liên hệ giữa chúng với nhau và với các yếu tố vô sinh có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến đời sống như: đất, nước, địa hình, khí hậu,.. và các nơi trú ngụ, sinh sống của một hoặc nhiều loài sinh vật (Theo công ước đa dạng sinh học được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh Rio de Janeiro về môi trường).

1.2.2. Nhân lực du lịch

Nguồn nhân lực du lịch là nhân tố rất quan trọng đối với sự phát triển của ngành du lịch và nó sẽ tác động quyết định trực tiếp tới hiệu quả kinh doanh của ngành

Đối với du lịch sinh thái, cộng đồng địa phương là nguồn nhân lực đặc biệt quan trọng vì người dân địa phương là đối tượng hiểu rõ nhất về điều kiện tự nhiên, văn hóa, phong tục của mình, sự tham gia của cộng đồng địa phương có tác dụng to lớn trong việc giáo dục du khách bảo vệ các nguồn tài nguyên và môi trường tại đó đồng thời cũng góp phần nâng cao hơn nữa nhận thức cho cộng đồng, tăng các nguồn thu nhập cho cộng đồng.

Về phía các tổ chức du lịch, các công ty du lịch hoặc chính quyền địa phương thuộc cấp ngành liên quan phải đảm bảo tính giáo dục, nâng cao sự hiểu biết của du khách về vấn đề sinh thái. Bên cạnh trình độ nghiệp vụ, trình độ tiếng anh của mình thì hướng dẫn viên, hoặc người dân bản địa cũng cần phải nắm vững những đặc điểm của môi trường tự nhiên và văn hóa cộng đồng địa phương. Chính yếu tố này đã góp phần quan trọng trong việc đánh giá hoạt động du lịch sinh thái có sự lâu dài và rút ngắn được khoảng cách giữa con người và thiên nhiên. Về phía nhà điều hành du lịch sinh thái cần phải có sự cộng tác với

các nhà quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên và cộng đồng địa phương nhằm đóng góp vào quá trình bảo vệ lâu dài các giá trị tự nhiên và văn hóa khu vực, cải thiện cuộc sống, nâng cao sự hiểu biết, vai trò nhận thức cần bảo tồn và duy trì phát triển du lịch sinh thái của người dân địa phương và du khách.

1.2.3. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

Hệ thống đường giao thông là phần rất quan trọng trong tổng thể khu du lịch. Chúng phải được thiết kế sao cho khách du lịch có khả năng tiếp cận gần nhất để quan sát các loài động vật hoang dã mà không ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của chúng, đặc biệt vào thời kỳ sinh sản. Ngoài ra các con đường này phải tạo cho khách cảm giác hoà nhập với thiên nhiên, không tạo ra nguy cơ xói mòn đất, có độ dốc thích hợp và đi theo một chiều. Bên cạnh các hướng dẫn chung, dưới đây là một số nguyên lý thiết kế để đánh giá việc phát triển phù hợp và tương xứng một khu vực nào đó.

Hệ thống điện và nước cũng là một trong những nhân tố quan trọng phục vụ trực tiếp việc nghỉ ngơi giải trí của khách. Khi rời khỏi nơi cư trú thường xuyên đến một địa điểm khác, ngoài các nhu cầu về ăn, uống, ở, đi lại... du khách còn có nhu cầu đảm bảo về điện, nước để cho quá trình sinh hoạt được diễn ra bình thường tại khu du lịch.

Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch sinh thái bao gồm: Khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, khu du lịch sinh thái,...

Cơ sở ăn uống và lưu trú là phần đặc trưng nhất của hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật của du lịch, cần được trang bị đầy đủ, sạch sẽ và thuận tiện nhưng không phô trương, không cần quá tiện nghi. Điều này làm cho du lịch sinh thái có lợi thế hơn nhiều so với loại hình du lịch nghỉ dưỡng hoặc loại hình du lịch thông thường khác ở mức chi phí cho mỗi phòng thường thấp hơn khoảng 4 - 5 lần. Khách du lịch sinh thái thường là những người không đòi hỏi tiện nghi mà mục đích chính của họ là muốn hoà mình với tự nhiên, khám phá những điều giản dị của tự nhiên và văn hoá bản địa. Khu nhà hàng phục vụ ẩm thực cho

khách du lịch phục vụ những món ăn gần gũi với thiên nhiên tại điểm du lịch sinh thái và những món ăn đặc trưng của vùng.

Các khu vui chơi giải trí đảm bảo an toàn và gần gũi với thiên nhiên để phục vụ khách du lịch. Xây dựng những cơ sở vui chơi không cần quá phô trương và tiện nghi, tận dụng những tài nguyên thiên nhiên để phục vụ khách du lịch và bảo tồn những tài nguyên tại các khu du lịch sinh thái.

1.2.4. Chính sách phát triển du lịch sinh thái

Chính sách phát triển du lịch là chìa khóa để phát triển du lịch. Những chính sách khuyến khích của nhà nước, của ngành sẽ là tiền đề thúc đẩy hoạt động du lịch phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển du lịch.

Phải có được những cơ chế chính sách đồng bộ khuyến khích việc khai thác các tiềm năng du lịch sinh thái, đặc biệt ở các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên. Điều này cần được thể hiện cụ thể bằng các thông tư liên bộ giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Tài chính và Tổng cục Du lịch về vấn đề này.

Tạo môi trường thuận lợi với những cơ chế cụ thể có tính khuyến khích để mọi thành phần kinh tế có thể đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái. Điều này đặc biệt có ý nghĩa bởi việc thu hồi vốn từ các dự án này thường dài và khả năng rủi ro cao.

Các chính sách phát triển du lịch sinh thái có vai trò rất quan trọng đối với phát triển du lịch sinh thái bao gồm các chính sách về thị trường, quy hoạch, xúc tiến đầu tư.

Chính sách mở rộng thị trường khách du lịch, thu hút thị trường khách mới đến với loại hình du lịch sinh thái. Thị trường khách có khả năng chi trả cao, nhận biết cao về ý thức về bảo vệ môi trường để đảm bảo tác động của du lịch đến môi trường du lịch sinh thái chính sách thị trường các tác dụng rất lớn đến việc phát triển du lịch sinh thái.

Chính sách quy hoạch xúc tiến việc quy hoạch chi tiết phát triển các khu du lịch sinh thái làm cơ sở cho các dự án đầu tư, đảm bảo sự phát triển bền vững ở những khu vực này. Hợp tác chặt chẽ giữa chuyên gia quy hoạch du lịch với

các ban quản lý, chính quyền và cộng đồng địa phương, hợp tác với các chuyên gia quốc tế có kinh nghiệm trong lĩnh vực này để đảm bảo tính khả thi cho các dự án quy hoạch và để thúc đẩy sự phát triển du lịch sinh thái.

1.3. Khái niệm, mục tiêu, nguyên tắc phát triển du lịch bền vững

1.3.1. Khái niệm

Khái niệm về phát triển du lịch bền vững không tách rời khái niệm về phát triển bền vững. Ngay từ những năm 1980, khi các vấn đề về phát triển bền vững bắt đầu được đề cập, tiến hành nghiên cứu thì có nhiều nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm đưa ra các khía cạnh ảnh hưởng của du lịch có liên quan đến phát triển du lịch bền vững. Nhiệm vụ trọng tâm của những nghiên cứu này nhằm để giải thích cho sự cần thiết phải đảm bảo tính toàn vẹn của môi trường sinh thái, các giá trị văn hoá trong khi tiến hành các hoạt động khai thác tài nguyên phục vụ phát triển du lịch, góp phần tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

Từ đầu thập niên 90 của Thế kỷ trước, các nhà khoa học trên thế giới đã đề cập nhiều đến việc phát triển du lịch với mục đích đơn thuần về kinh tế đang đe dọa huỷ hoại môi trường sinh thái, đến các nền văn hoá bản địa. Hậu quả của các tác động này sẽ lại làm ảnh hưởng đến bản thân sự phát triển lâu dài của ngành du lịch. Chính vì vậy đã xuất hiện yêu cầu nghiên cứu “Phát triển du lịch bền vững” nhằm hạn chế các tác động tiêu cực của hoạt động du lịch đảm bảo sự phát triển lâu dài. Một số loại hình du lịch bước đầu quan tâm đến khía cạnh môi trường đã bắt đầu xuất hiện như “Du lịch sinh thái”, “Du lịch dựa vào thiên nhiên”, “Du lịch khám phá”, “Du lịch mạo hiểm”... đã góp phần nâng cao hình ảnh về một hướng phát triển du lịch có trách nhiệm đảm bảo sự phát triển bền vững.

Theo định nghĩa của Tổ chức Du lịch (UNWTO) đưa ra tại Hội nghị về Môi trường và Phát triển của Liên hợp quốc tại Rio de Janeiro năm 1992 thì “Du lịch bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng các nhu cầu hiện tại của khách du lịch và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến

việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho việc phát triển hoạt động du lịch trong tương lai. Du lịch bền vững sẽ có kế hoạch quản lý các nguồn tài nguyên nhằm thoả mãn các nhu cầu về kinh tế, xã hội, thẩm mỹ của con người trong khi đó vẫn duy trì được sự toàn vẹn về văn hoá, đa dạng sinh học sự phát triển của các hệ sinh thái và các hệ thống hỗ trợ cho cuộc sống của con người”.

Như vậy có thể coi du lịch bền vững là một nhánh của phát triển bền vững chung đã được Hội nghị Ủy ban Thế giới về Phát triển và Môi trường (hay Ủy ban Brundtland) xác định năm 1987. Phát triển du lịch bền vững là hoạt động phát triển ở một khu vực cụ thể, sao cho nội dung, hình thức và quy mô và thích hợp và bền vững theo thời gian, không gian làm suy thoái môi trường, làm ảnh hưởng đến khả năng hỗ trợ các hoạt động phát triển khác. Ngược lại tính bền vững của hoạt động phát triển du lịch được xây dựng trên nền tảng sự thành công trong phát triển của các ngành khác, sự phát triển bền vững nói chung của khu vực.

“Du lịch bền vững” ở Việt Nam là một khái niệm còn mới. Tuy nhiên, thông qua các bài học và kinh nghiệm thực tế về phát triển du lịch tại nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới, nhận thức về một phương thức phát triển du lịch có trách nhiệm với môi trường, có tác dụng giáo dục, nâng cao hiểu biết cho cộng đồng đã xuất hiện ở Việt Nam dưới hình thức các loại hình du lịch tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu...với tên gọi là “Du lịch sinh thái”, “Du lịch tự nhiên”...

Mặc dù còn những quan điểm chưa thật sự thống nhất về khái niệm phát triển du lịch bền vững, cho đến nay đa số ý kiến các chuyên gia trong lĩnh vực du lịch có liên quan khác ở Việt Nam đều cho rằng:

“Phát triển du lịch bền vững là hoạt động khai thác có quản lý các giá trị tự nhiên và nhân văn nhằm thoả mãn các nhu cầu đa dạng của khách du lịch, có quan tâm đến các lợi ích kinh tế dài hạn trong khi vẫn đảm bảo sự đóng góp cho bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên, duy trì được sự toàn vẹn về văn hoá để

phát triển hoạt động du lịch trong tương lai; cho công tác bảo vệ môi trường và góp phần nâng cao sức sống của cộng đồng địa phương”.

1.3.2. Mục tiêu của phát triển du lịch bền vững

Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp có định hướng tài nguyên rõ rệt, mang nội dung văn hoá sâu sắc, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao. Chính vì vậy sự phát triển du lịch bền vững đòi hỏi có sự nỗ lực chung và đồng bộ của toàn xã hội. Phát triển du lịch bền vững cần hướng tới việc đảm bảo được 3 mục tiêu cơ bản sau:

- Đảm bảo sự phát triển bền vững về kinh tế: Đảm bảo sự tăng trưởng, phát triển ổn định lâu dài về mặt kinh tế của du lịch góp phần tích cực vào phát triển kinh tế của quốc gia và cộng đồng.

- Đảm bảo sự bền vững về tài nguyên và môi trường: Thể hiện ở việc sử dụng hợp lý các tiềm năng tài nguyên và điều kiện môi trường. Việc khai thác, sử dụng tài nguyên du lịch cho phát triển cần được quản lý sao cho không chỉ thoả mãn nhu cầu hiện tại mà còn đảm bảo cho nhu cầu phát triển du lịch qua nhiều thế hệ. Bên cạnh đó trong quá trình phát triển, các tác động của hoạt động du lịch đến môi trường sẽ được hạn chế đi đôi với những đóng góp cho nỗ lực tôn tạo tài nguyên, bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo sự bền vững về xã hội: Theo đó sự phát triển du lịch có những đóng góp cụ thể cho phát triển xã hội, đảm bảo sự công bằng trong phát triển.

1.3.3. Nguyên tắc phát triển du lịch bền vững

Để đảm bảo được 3 mục tiêu cơ bản trên, phát triển du lịch bền vững cần tuân thủ 10 nguyên tắc chính là:

- + Khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên một cách hợp lý.
- + Hạn chế việc sử dụng quá mức tài nguyên và giảm thiểu chất thải ra môi trường.
- + Phát triển phải gắn liền với nỗ lực bảo tồn tính đa dạng.
- + Phát triển du lịch phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội.

- + Chú trọng việc chia sẻ lợi ích với cộng đồng địa phương trong quá trình phát triển du lịch.
- + Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương trong quá trình phát triển du lịch.
- + Thường xuyên trao đổi, tham khảo ý kiến cộng đồng địa phương và các đối tượng có liên quan trong quá trình hoạt động phát triển du lịch.
- + Chú trọng việc đào tạo nâng cao nhận thức về tài nguyên môi trường.
- + Tăng cường tính trách nhiệm trong hoạt động xúc tiến, quảng cáo du lịch.
- + Coi trọng việc thường xuyên tiến hành công tác nghiên cứu.

Tiểu kết chương 1

Trong chương 1 khóa luận tác giả đã tổng quan cơ sở lý luận về du lịch sinh thái và du lịch bền vững. Đây sẽ là cơ sở cho việc nghiên cứu điều kiện, phân tích đánh giá thực trạng phát triển du lịch sinh thái tại Cô Tô trong chương 2.

CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH SINH THÁI TẠI CÔ TÔ QUẢNG NINH

2.1. Khái quát về Cô Tô , Quảng Ninh

2.1.1. Vị trí địa lý của Cô Tô

Cô Tô là huyện đảo nằm ở phía Đông tỉnh Quảng Ninh, với tọa độ địa lý từ 200 55' đến 210 15'7" vĩ độ Bắc, từ 1070 35' đến 1080 20' kinh độ Đông.

Phía Đông tiếp giáp hải phận quốc tế với chiều dài đường hải phận gần 200km, từ phía ngoài khơi đảo Trần đến đảo Bạch Long Vĩ.

Phía Bắc giáp đảo Cái Chiên (huyện Hải Hà), đảo Vĩnh Thực (Thành phố Móng Cái).

Phía Nam giáp vùng biển đảo Bạch Long Vĩ - Hải Phòng.

Phía Tây giáp huyện Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh.

Huyện Cô Tô là một quần đảo, trong đó có 3 đảo lớn: đảo Cô Tô, đảo Thanh Lân và đảo Trần. Diện tích tự nhiên toàn huyện thường xuyên thay đổi, do có sự tích tụ và bồi đắp đất đai. Năm 2007, diện tích tự nhiên của huyện là 47,4337 km² (4.743,37 ha) chiếm 0,8% diện tích đất đai tự nhiên của tỉnh Quảng Ninh. Cô Tô có 3 đơn vị hành chính gồm 2 xã và thị trấn Cô Tô.

Đảo Cô Tô cách đất liền khoảng 60 hải lý, gần ngư trường khai thác hải sản lớn của cả nước; Đảo Trần nằm ở vị trí Đông Bắc của huyện, cách thành phố Móng Cái khoảng 35 km, nằm trong khu vực cửa khẩu, cách đường hàng hải quốc tế Hải Phòng - Bắc Hải 30 km. Cô Tô điểm đến lý tưởng cho những chuyến đi ngắn ngày của du khách.

2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Cô Tô có tên cổ là Chàng Sơn (Núi Chàng), từ lâu đời đã là nơi cư trú ngư của thuyền bè ngư dân Vùng Đông Bắc, song chưa thành nơi định cư vì luôn bị những toán cướp biển Trung Quốc quấy phá. Đầu thời Nguyễn, một số ngư dân Trung Quốc bắt được những toán cướp biển và xin được nhập cư sinh sống.

Năm 1832, Nguyễn Công Trứ với cương vị Tổng Đốc Hải An (Hải Dương - An Quảng) đã xin triều đình cho thành lập làng xã, cắt cử người cai

quản. Làng đầu tiên ở đây được Nguyễn Công Trứ đặt là làng Hương Hoá. Ít lâu sau, nhà Nguyễn cho thu thuế và lập đồn Hương Hoá canh phòng giặc biển.

Thời Pháp thuộc, Cô Tô là một tổng có năm xã (Đông giáp, Nam giáp, Tây giáp, Bắc giáp, Trung giáp) thuộc châu Hà Cối phủ Hải Đông tỉnh Hải Ninh. Sau ngày Nhật đảo chính, Pháp quay lại chiếm đóng Cô Tô. Từ Cô Tô và cảng Vạn Hoa trên đảo Cái Bầu, tàu chiến Pháp vào quấy rối vùng biển Hòn Gai và cảng Quảng Ninh. Tháng 11 năm 1946, Đại đội Ký Con giải phóng quân từ Hòn Gai dùng tàu chiến Le Créyac mới chiếm được của Hải quân Pháp tiến ra giải phóng Cô Tô nhưng không thành công. Cho đến cuối năm 1955, thực hiện Hiệp định Genève, quân Pháp mới rút khỏi.

Đầu năm 1954, Cô Tô là xã thuộc Huyện Móng Cái, sau đó là hai xã đặc biệt trực thuộc tỉnh. Từ 1964, hai xã đã sát nhập vào Huyện Cẩm Phả.

Những năm Mỹ đánh phá miền Bắc, Cô Tô bị máy bay Mỹ ném bom, tàu chiến Mỹ bắn pháo. Quân dân Cô Tô kiên cường đánh trả máy bay, tàu chiến Mỹ. Nay Cô Tô càng vững vàng trong vị trí chiến lược đặc biệt của mình.

Năm 1994, chính phủ đổi tên Huyện Cẩm Phả thành Huyện Vân Đồn đồng thời tách quần đảo Cô Tô gồm hai xã Thanh Lân, Cô Tô thành lập Huyện Cô Tô vào ngày 23 tháng 3 năm 1994

Năm 2006, dân số Huyện đảo Cô Tô là 5240 người với 1178 hộ dân. Từ năm 1994 đến nay nhà nước đã có nhiều chính sách hỗ trợ về giá điện, giá xăng dầu, xây dựng nâng cấp cơ sở hạ tầng, hàng ngày đều có tàu khách Vân Đồn - Cô Tô, làm cho đời sống nhân dân và cán bộ chiến sỹ nơi đây không ngừng được cải thiện.

Cô Tô: Có sách cổ gọi quần đảo Cô Tô là “Cầu Đầu”, nơi nhiều núi chụm lại giữa biển. Hai chữ “Cầu Đầu” đọc theo tiếng Hoa là “Cú Xú”, từ đó người Việt phiên âm thành Cô Tô. Đây là một cách giải thích địa danh Cô Tô.

2.1.3. Tình hình kinh tế, xã hội

Với lợi thế gần 300km² mặt biển, Cô Tô có ngư trường lớn cho việc khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản, Cô Tô có 05 dân tộc: Kinh, Sán Dìu,

Mường, Tày, Hoa. Trong đó có dân của trên 14 tỉnh thành trong cả nước ra xây dựng kinh tế mới như: Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá, Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng, Lạng Sơn, Phú Thọ, Bắc Giang, Bắc Ninh . Huyện có 3 đơn vị hành chính: Thị trấn Cô Tô, xã Thanh Lân và xã Đồng Tiến. Cùng với gần 2000 lao động ngư nghiệp, hàng năm Huyện đảo đó tổ chức đánh bắt và nuôi trồng khối lượng thủy sản lớn cung cấp cho đất liền. Tổng sản lượng thủy sản khai thác và đánh bắt hàng năm là 14.150 tấn.

Hiện nay Huyện đảo có nhiều mô hình kinh tế có hiệu quả như: các mô hình nuôi trồng thủy sản bãi triều, mặt nước đã có nhiều hộ gia đình có thu nhập 50 - 100 triệu đồng/năm; có hộ thu nhập hàng tỷ đồng/năm nhờ khai thác và chế biến sứa biển; các mô hình kinh tế vườn đồi như trồng cây ăn quả, cây dược liệu, nuôi gà sao, nhím, lợn rừng, chồn nhung..., bước đầu có kết quả; kinh tế thủy sản vượt kế hoạch cả năm (432% kế hoạch); sản xuất nông nghiệp vượt qua khó khăn do thiên tai, thời tiết khắc nghiệt duy trì diện tích và sản lượng; thu ngân sách trên địa bàn đạt khá (291% kế hoạch).

Bên cạnh nuôi cá lồng bè trên biển, Huyện đang có hướng phát triển nuôi các loại ốc hương, hiện 2 hộ nuôi với số lượng 5 vạn con đã cho thu hoạch. Bên cạnh đó, một số hộ khác đang đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất ốc hương giống, mô hình này nếu thành công sẽ cung cấp nguồn giống tại chỗ cho nhu cầu nuôi ốc hương của địa phương. Ngoài ốc hương, bào ngư, cầu gai, hải sâm là những hải sản mà nông dân trong Huyện có thể nuôi. Đặc biệt, thiên nhiên đã ưu đãi cho vùng biển Cô Tô có ngọc trai sinh thủy. Dự án nuôi cấy ngọc trai với số vốn đầu tư 2 triệu USD hiện đã xây dựng xong nhà xưởng và đang đưa lồng trai vào nuôi cấy, dự kiến sẽ thu hút số lượng lao động đến 2.500 người. Dự án này nếu thành công, ngoài việc đem lại nguồn thu nhập đáng kể cho Huyện đảo còn có tác dụng thu hút khách tham quan du lịch. Tuy nhiên, hiện nay phương tiện khai thác thủy sản toàn Huyện mới chỉ có 218 tàu, thuyền. Vì vậy, để đạt được mục tiêu trên một vạn tấn thủy sản đến năm 2015, Huyện phải đầu tư thêm phương

tiện khai thác xa bờ, đồng thời đẩy mạnh nuôi trồng hải sản. Có như vậy, mũi nhọn kinh tế truyền thống này mới phát triển ổn định và bền vững.

Đất đai chủ yếu trên đảo là đất phelarit trên sa thạch. Đất rừng khoảng 2.200ha. Đất có khả năng nông nghiệp (771ha) chiếm 20% diện tích đất tự nhiên, trong đó một nửa có khả năng cấy lúa, trồng màu, già nửa có khả năng chăn thả đại gia súc và trồng cây ăn quả.

Với những nỗ lực cố gắng phát triển của mình thì tỷ lệ hộ nghèo của Huyện giảm từ 13,95% năm 2005 còn 3,1% năm 2011, phấn đấu đến hết năm 2012 còn 2%. Chương trình xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh, sau hơn một năm thực hiện tại 02 xã, đến hết quý I/2012, mỗi xã đã đạt 9/19 tiêu chí, đến hết 2013 cơ bản hoàn thành các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới.

Về giáo dục, năm 2011 Huyện hoàn thành Chương trình kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên, toàn Huyện có 04/10 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia; đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ bản được chuẩn hóa; duy trì và giữ vững phổ cập giáo dục đúng độ tuổi bậc tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở; tỷ lệ huy động học sinh đến lớp ở cả 4 cấp học đạt 100%, không có học sinh bỏ học. Phong trào xây dựng xã hội học tập, khuyến học khuyến tài phát triển trên quy mô toàn Huyện nhằm nâng cao dân trí, nâng cao trình độ chuyên môn, thực hiện giảm nghèo bền vững.

Chương trình quân - dân y kết hợp được duy trì thực hiện khám, chữa bệnh cho 7.000 đến 10.000 lượt người hằng năm, trong đó điều trị nội trú từ 800 - 1000 lượt bệnh nhân với tỷ lệ khỏi bệnh đạt 85 - 95%; duy trì và củng cố 100% các trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia, 100% các trạm y tế xã có biên chế bác sỹ, 100% số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm phòng đủ 7 loại vắc xin; không để xảy ra dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm trên địa bàn.

2.2. Điều kiện phát triển du lịch sinh thái

2.2.1 Tài nguyên du lịch sinh thái

Tài nguyên du lịch tự nhiên

Tài nguyên biển:

Nằm giữa một vùng biển rộng lớn phía Đông Bắc của Tổ quốc, Cô Tô được thiên nhiên ưu đãi ban tặng cho một đới khí hậu trong lành, mát mẻ, không ồn ào náo nhiệt mà thay vào đó là một không gian yên tĩnh, thanh bình. Những bãi tắm ở Cô Tô vẫn giữ nguyên vẻ hoang sơ, với những rặng san hô, bờ cát dài trắng mịn trải dài hàng kilomet, mặt nước trong xanh được bao bọc bởi những cánh rừng nguyên sinh với hệ thực vật phong phú là những vẻ đẹp đã trở thành thương hiệu đặc trưng của Cô Tô với các bãi biển tự nhiên như Hồng Vân, Vân Cháy.

Bãi biển Hồng Vân nằm cách xa khu dân cư đông đúc, với bãi cát trải dài, màu cát trắng và ít sỏi, biển lặng sóng và an toàn, trên bãi cát là những căn nhà gỗ được thiết kế sáng tạo, gần gũi với thiên nhiên, nơi khách chỉ cần mở cửa phòng là đã có thể hòa mình vào làn nước biển trong xanh, mát lạnh.

Bãi đá Cầu My - một thiên đường mà bất kỳ ai đến với đảo Cô Tô cũng không thể bỏ qua, đó là khu vực Bãi đá Cầu My nằm ở phía nam đảo Cô Tô Lớn. Cầu My với hệ thống đá trầm tích được bào mòn qua hàng vạn năm bởi nước biển tạo ra một kì quan hiếm có so với các đảo nổi tiếng khác của Việt Nam. Các lớp đá hiện rõ ngay khi bạn đặt chân đến với nhiều màu sắc khác nhau. Đá xếp tầng, nhiều màu, nhiều hình thù khiến cả khu vực như một bức tranh sống động về quá trình kiến tạo của thiên nhiên.

Bãi Vân Cháy Là một trong những bãi tắm đẹp nhất của đảo Cô Tô, với bãi cát dài, trắng mịn, sạch đẹp và những đợt sóng to. Thích hợp chơi các trò chơi thể thao bãi biển, nghịch sóng, ngắm sóng vồ...

Các bãi biển tại đảo Cô Tô còn là những bãi biển hoang sơ có nhiều vỏ ốc kỳ lạ xen lẫn cát trắng mịn, nước ở bãi biển rất trong và có thể nhìn thấy những rạn san hô và rong biển. Là một đảo không có cư dân sinh sống, Cô Tô còn hút khách du lịch bậc nhất của quần đảo Cô Tô bởi những bãi biển hoang sơ tuyệt đẹp.

Đảo Cô Tô con cách Cô Tô lớn hơn 1 km. Khách du lịch không cần phải xin giấy phép và có thể thuê tàu gỗ đi ra đảo Cô Tô con với thời gian di chuyển khoảng 25 – 30 phút. Tới đây các khách có thể thử cảm giác ngủ lều trên bãi biển, một cảm giác rất thú vị cho những ai ưa cảm giác mới lạ. Cô Tô rất thích hợp với du lịch nghỉ dưỡng, phù hợp với du lịch biển hiện nay của nước ta.

Các bãi biển trên đảo Cô Tô còn có đặc điểm độc đáo là sườn ngầm khá sâu rất tiện cho bơi lội, hợp với nhu cầu du khách tắm biển và thích khám phá, nghỉ ngơi, tham quan, ngắm cảnh

Tài nguyên rừng:

Theo số liệu thống kê tính đến 31/12/2013 toàn huyện Cô Tô có 2.090,57 ha đất lâm nghiệp bao gồm: Thị trấn Cô Tô 303,63 ha, xã Đồng Tiến 709,3 ha, xã Thanh Lân 1077,64 ha.

Tài nguyên rừng của huyện Cô Tô được đánh giá theo diện tích và giá trị của thảm thực vật, rừng trên đảo đa số là rừng non phục hồi sau những giai đoạn bị chặt phá trước năm 1979. Tuy nhiên rừng ở đây còn có nhiều loại gỗ quý thuộc các họ tràm, họ bứa, họ thân dầu, họ đậu, long não, lim, giao... Ngoài cây thân gỗ còn có nhiều loại cây dược liệu như hương nhu, sâm đất, thâu dầu tía trên các đảo. Cây rừng có độ cao 10 - 12m, có nhiều loại cây xanh quanh năm, nhưng cũng có loài cây “thành ngạnh” là loại rụng lá vào mùa đông.

Rừng Cô Tô thuộc loại rừng 3 tầng, dưới tán rừng là tầng cây bụi với các họ sim, mua, xoài muối, ngũ gia bì, chân chim... Dưới tầng cây bụi là tầng cỏ quyết với các họ ráy, cau, cỏ dương, thài lài, xạ can, rẻ quạt. Thảm thực vật rừng ở đây có ảnh hưởng lớn tới quá trình lý hoá học xảy ra ở trong đất như: tích lũy vật chất hữu cơ làm giàu mùn cho đất, làm tăng độ ẩm và hạn chế sự rửa trôi xói mòn đất.

Đặc biệt ở Cô Tô có hệ thống rừng chồi nguyên sinh, rừng sim có ý nghĩa rất lớn trong phát triển du lịch. Theo các nhà khoa học đánh giá, rừng chồi Cô Tô là rừng chồi nguyên sinh lớn nhất trong cả nước. Ngoài giá trị cảnh quan, rừng chồi còn góp phần vào đa dạng sinh học, giá trị độc đáo của rừng nguyên sinh trên đảo Cô Tô. Với đặc tính là giống cây có thân dẻo, dai, phân nhánh sớm, chịu được sóng

gió và cát biển, rừng chồi nguyên sinh Cô Tô còn là rừng phòng hộ, bảo vệ cho xóm làng, luôn được người dân và du khách nhắc nhở có ý thức giữ gìn.

Rừng ở Cô Tô rất đa dạng và phong phú tuy nhiên chưa được khai thác nhiều để có thể phát triển du lịch sinh thái, bù lại nó có thể điều hòa khí hậu thiên nhiên tại Cô Tô và tạo cảnh quan cho nơi đây.

Khí hậu

Khí hậu tại Cô Tô trong lành mát mẻ có chế độ nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình năm là 22,7°C dao động từ 17°C – 28°C, nhiệt độ trung bình cao nhất từ 27° – 30°C, nhiệt độ tối cao tuyệt đối 36,2°C. Về mùa đông, nhiệt độ trung bình thấp nhất từ 13,5° - 15,8°C, nhiệt độ tối thấp tuyệt đối 4,4°C. Khí hậu ở Cô Tô là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch đặc biệt là du lịch sinh thái

Tài nguyên du lịch nhân văn

Tài nguyên du lịch nhân văn tại Cô Tô khá đa dạng và phong phú.

Di tích lịch sử văn hóa: Khu di tích nhà lưu niệm Bác Hồ tại huyện đảo Cô Tô là một điểm đến luôn nằm trong danh sách ưu tiên của khách du lịch đảo Cô Tô..Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh nằm tại Khu 3, thị trấn Cô Tô là một quần thể di tích trên đảo Cô Tô gồm: Tượng đài, bia, nhà lưu niệm thuộc hệ thống Di tích lịch sử đã xếp hạng di tích lịch sử, văn hóa cấp quốc gia. Khu di tích được xây dựng vào năm 1968 và tôn tạo lại năm 1975, nằm cách bờ biển chỉ 50m. Tại khu di tích có bãi tắm Bác Hồ - bãi tắm chính của người dân đảo và cũng là nơi đông người tắm nhất. Bãi biển toàn cát trắng mịn viền quanh những rừng phi lao xanh mát với con đường lát gạch chạy dọc ven biển.

Tại bãi tắm này, UBND huyện đảo cô tô đã dựng gần đó là tượng đài Bác Hồ kỷ niệm ngày Bác về thăm đảo 9 - 5 - 1961. Đây là một trong những nơi duy nhất Bác đồng ý cho dựng tượng lúc Người còn sống. Có lẽ vì vậy mà bãi tắm này được người dân đặt tên là bãi tắm Bác Hồ, đây là điểm đi dạo ưa thích của người dân đảo và cũng là điểm ngắm bình minh đẹp nhất dành cho du khách.

Trạm Hải đăng Cô Tô là 1 trong số hơn 30 “con mắt biển đêm” đang hoạt động trên khắp vùng lãnh hải Việt Nam, ngọn hải đăng này được xây dựng từ cuối thế kỷ 19. Để leo lên được ngọn hải đăng, du khách phải vượt qua những khúc cua

dốc đứng, sau đó leo tiếp lên 72 bậc cầu thang từ dưới chân lên đến đỉnh ngọn hải đăng. Từ đây khách có thể thoải mái thu vào tầm mắt toàn cảnh đảo Cô Tô, từ thị trấn biển đẹp như mơ, xen lẫn những rừng cây xanh mướt, êm đềm những mái nhà khiêm nhường và giản dị.

Lễ hội truyền thống hàng năm của huyện đa dạng với các loại hình văn hoá của nhân dân các vùng miền như hát xoan của người Thái Bình, hát ví dặm của người Hà Tĩnh, hò sông Mã của người Thanh Hoá, hát chầu văn của người Nam Định - Hà Nam,...

Sinh hoạt truyền thống của người dân địa phương: Các nghề đánh bắt thủy hải sản và trồng trọt lâu đời tại đây khá phong phú, du khách có thể tham gia cùng cộng đồng địa phương trải nghiệm các công việc thường ngày của người dân tại đây để có thể phát triển thêm du lịch sinh thái gắn với cộng đồng tăng nguồn thu nhập cho người dân địa phương tại Cô Tô. Cùng với các nghề đánh bắt hải sản và trồng trọt thì tại Cô Tô còn có nghề truyền thống nữa là nghề làm mắm, nghề làm mắm tại đây đã có từ rất lâu đời. Tuy nhiên nghề làm mắm truyền thống bị mai một theo thời gian. Gần đây một số cá nhân và các làng nghề làm mắm tại Cô Tô đang dần dần khai thác để phát triển du lịch tại đây, thu hút du khách trải nghiệm nghề làm mắm tại Cô Tô. Bên cạnh đó, người dân Cô Tô còn có nghề nuôi ngọc trai. Đây cũng là điều kiện để tổ chức hoạt động tham quan quy trình sản xuất ngọc trai cho khách

Những giá trị văn hóa ở Cô Tô góp phần đa dạng hóa hơn và phong phú hơn các hoạt động du lịch sinh thái tự nhiên khi khách du lịch đến đây.

2.2.2. Nhân lực du lịch

Số lượng lao động trong du lịch ở Cô Tô có sự tăng trưởng rõ rệt trong những năm gần đây. Nguồn nhân lực phục vụ cho du lịch chủ yếu là người dân địa phương một số ít là những người từ nơi khác đến đây kinh doanh lập nghiệp. Tuy nhiên, số lượng và chất lượng lao động vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái. Một số ít lao động còn thiếu hiểu biết về du lịch sinh thái, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế. Hơn nữa, việc thu hút cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch còn

nhieu trở ngại. Để phát triển du lịch sinh thái thì việc thu hút tạo điều kiện cho cộng đồng địa phương và người dân tham gia vào các hoạt động du lịch là điều kiện cần thiết để đảm bảo cho sự phát triển bền vững ở đây.

2.2.3. Cơ sở hạ tầng – cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

2.2.3.1. Cơ sở hạ tầng du lịch

Hệ thống giao thông

Giao thông đường thủy là hệ thống giao thông đối ngoại quan trọng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội, an ninh quốc phòng của huyện. Mạng lưới giao thông đường thủy huyện có cảng quân sự Bắc Vân và cảng dân sự Cảng Cô Tô vận tải chuyên chở hành khách, hàng hóa từ đất liền ra đảo và ngược lại. Cảng Cô Tô, được đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động năm 1999.

Lưu lượng vận chuyển khách: Có từ 2 đến 3 chuyến tàu ra vào đảo mỗi ngày. Hiện nay trên địa bàn huyện đã có tàu cao tốc vào, ra đảo mỗi ngày, rút ngắn thời gian ra đảo, chỉ còn 1,5h. Cảng nội địa gồm có 2 cảng, cảng từ đảo Cô Tô lớn (sang cảng Thanh Lân) và Cảng Thanh Lân, đảm bảo giao thông đi lại của nhân dân, thông thương hàng hóa giữa hai đảo, và từ đất liền ra đảo Thanh Lân.

Xã Đồng Tiến, hệ thống đường giao thông xã Đồng Tiến được nối liền với trung tâm thị trấn Cô Tô bằng tuyến đường xuyên đảo đến cảng quân sự Bắc Vân có bề rộng mặt đường là 5m, lề đường được rải nhựa 4m, có tổng chiều dài là 7km; các trục đường chính vào các thôn và khu dân cư cũng được bê tông hóa với bề rộng mặt đường 3,0m, có tổng chiều dài là 5,93km, tuyến đường bê tông ven biển khu bãi tắm Hồng Vân có mặt cắt 3m, chiều dài tuyến là 3,2km.

Xã Thanh Lân, hệ thống giao thông xã Thanh Lân được đầu tư xây dựng theo chương trình quốc phòng, các tuyến đường xuyên đảo nối với các khu vực quân sự, và các khu dân cư của các thôn tương đối hoàn chỉnh, có bề rộng lề đường là 5m, mặt đường được bê tông hóa với bề rộng 4,0m, có tổng chiều dài là 17,9 km.

Hệ thống điện, nước

Hàng chục hồ nước trên đảo được nâng cấp, xây mới để phục vụ sinh hoạt và sản xuất của người dân như hồ C4, hồ Chiến Thắng 1, hồ Chiến Thắng 2... Trong đó phải kể đến hồ chứa nước Trường Xuân có dung tích 170.000m³ tại xã Đồng Tiến được đầu tư với tổng kinh phí 71 tỷ đồng từ nguồn vốn Trung ương và Ngân sách tỉnh, được đưa vào sử dụng đầu năm 2013. Bên cạnh đó, Huyện đã đầu tư xây dựng các trung tâm cấp nước sinh hoạt có công suất hoạt động từ 600- 1.000m³/ngày. Đến nay, đã giải quyết được tình trạng thiếu nước sinh hoạt và sản xuất của hàng nghìn hộ dân trên đảo, 95% hộ dân đã được sử dụng nguồn nước sạch sinh hoạt và phục vụ khách du lịch.

Cuối năm 2013, Cô Tô đã có điện lưới quốc gia nhờ đường điện xuyên biển có mức đầu tư hơn 1106 tỷ đồng, dài 58,5 km từ Vân Đồn ra Cô Tô, trong đó có 25 km cáp ngầm 22 KV xuyên biển góp phần nâng cao chất lượng phục vụ du lịch trên đảo.

Như vậy hệ thống cơ sở hạ tầng rất thuận lợi đủ để phục vụ và phát triển du lịch sinh thái trên đảo Cô Tô.

2.2.3.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

Cơ sở vật chất kỹ thuật đóng một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tạo ra và thực hiện sản phẩm du lịch cũng như quyết định mức độ khai thác tiềm năng du lịch nhằm thoả mãn nhu cầu của khách du lịch. Chính vì vậy nên sự phát triển của ngành du lịch bao giờ cũng gắn liền với việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật.

Cô Tô cũng vậy nơi đây đã có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nhu cầu của khách du lịch khá tốt. Trên địa bàn huyện Cô Tô, hiện có 229 cơ sở kinh doanh lưu trú, trong đó có 06 khách sạn đạt tiêu chuẩn 2 sao và 27 khách sạn đạt tiêu chuẩn 1 sao, còn lại là các nhà nghỉ và homestay. Hệ thống các homestay và lều trại trên bãi biển Hồng Vân, Vân Cháy,... phục vụ những khách du lịch sinh thái để họ có thể gần gũi với thiên nhiên hơn. Các nhà hàng quán ăn được chú trọng đặc biệt để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho khách du

lich. Các nhà hàng bè phục vụ du khách trên biển và tổ chức câu cá, mực, trên biển cho du khách.

Khu vui chơi giải trí tại Cô Tô là hệ thống công viên nước tại bãi biển Hồng Vân, với kiểu dáng hiện đại và vô cùng độc đáo, tổng diện tích hơn 1000m² và là công viên nước lớn nhất Việt Nam.

2.2.4. Chính sách phát triển du lịch sinh thái.

Chính sách phát triển cơ sở hạ tầng:

Trước hết là việc phát triển hạ tầng phục vụ du lịch. Huyện đảo trước đây vốn thường xảy ra hiện tượng thiếu nước ngọt. Để khắc phục tình trạng này, Cô Tô đã tập trung cải tạo, nâng cấp các hồ chứa nước. Đồng thời, nâng cấp 10 hồ chứa nước khác đảm bảo đủ nguồn nước ngọt sinh hoạt và sản xuất của nhân dân trong toàn huyện. Trước đây, các tàu khách đến Cô Tô đều là các tàu vỏ gỗ, công suất thấp, thời gian chuyên chở khách lâu, khiến nhiều du khách bị say sóng khi đi tàu đến đảo. Để khắc phục tình trạng này, Cô Tô đã tập trung phát triển các đội tàu cao tốc vận tải hành khách có chất lượng cao, rút ngắn còn khoảng 1/4 thời gian từ đất liền ra đảo so với trước đây. Bởi nếu trước du khách đi tàu gỗ ra đảo phải mất thời gian 3-4 tiếng thì nay chỉ còn hơn 70 phút. Hệ thống giao thông đường bộ được nâng cấp gồm tuyến xuyên đảo Cô Tô 10,5km, đảo Thanh Lân 11km và hơn 10km các tuyến giao thông nông thôn.

Hiện nay, Cô Tô đã lắp hệ thống kết nối Internet vô tuyến miễn phí trên toàn địa bàn để cung cấp dịch vụ internet phục vụ du khách.

Chính sách vay vốn đầu tư:

Nhằm giúp các hộ dân trên địa bàn tham gia hoạt động du lịch, huyện đã ban hành cơ chế hỗ trợ 50% lãi suất vay ngân hàng, mức vay 200 triệu đồng/hộ để xây nhà mới đón khách du lịch, hỗ trợ 5 triệu đồng/hộ xây dựng nhà vệ sinh khép kín để phục vụ sinh hoạt gia đình và đón khách du lịch, hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân đóng mới tàu cao tốc, kinh doanh xe bus trên địa bàn. Huyện cũng hỗ trợ ngư dân sửa chữa cải hoán, đóng mới tàu, thuyền đánh bắt hải sản kết hợp với dịch vụ đưa đón khách du lịch với mức hỗ trợ 15-30 triệu

đồng/hộ, khuyến khích đầu tư chế biến thủy sản, xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm có lợi thế của địa phương như: Sứa ăn liền, nước mắm, cá khô, rượu cầu gai, bào ngư... với mức hỗ trợ 100 triệu đồng/cơ sở. Tư vấn, giúp đỡ các cơ sở đảm bảo các yếu tố về vệ sinh an toàn thực phẩm để đăng ký thương hiệu sản phẩm sản xuất tại huyện. Hiện tại, Cô Tô đã xây dựng được 2 thương hiệu “Mực ống Cô Tô” và “Cá duội Cô Tô”. Từ việc có hướng đi đúng mang tính tích cực về phát triển du lịch, năm 2013 mức độ tăng trưởng kinh tế của Cô Tô đạt 15%, thu nhập bình quân đạt 1.200 USD/ người/năm, tỷ lệ hộ nghèo hiện nay trên địa bàn huyện chỉ còn 0,79%. Đời sống người dân ngày càng được cải thiện nhờ thay đổi cơ cấu từ nông nghiệp, khai thác thủy sản ven bờ sang làm dịch vụ du lịch.

2.3. Thực trạng phát triển du lịch sinh thái tại Cô Tô

2.3.1. Khách du lịch sinh thái tại Cô Tô

Lượng khách du lịch đến với đảo Cô Tô ngày một nhiều năm 2017, khách du lịch đến Cô Tô đạt 320.000 khách, cao hơn năm 2016 là 20.000 khách. Trong đó khách quốc tế đạt 2.200 khách, cao hơn năm trước 1.542 khách. Khách du lịch đến với Cô Tô phần đông là thanh niên, những người ưa thích khám phá và có mức chi tiêu du lịch trung bình. (Nguồn: www.baoquangninh.com.vn)

Thị trường khách đến với Cô Tô trong thời gian qua chủ yếu là khách nội địa tại các khu vực lân cận như: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương... Khách du lịch đến với đảo Cô Tô đa phần là khách du lịch hành chính công vụ với mục đích chính là tham gia công tác, giao lưu với lực lượng thanh niên xung phong trên đảo, một số khác là ra đảo vui chơi, nghỉ dưỡng, tham quan do có người thân công tác và làm việc trên đảo.

Hầu hết lượng khách du lịch đến Cô Tô chủ yếu vào mùa hè để tránh cái oi bức của ngày hè nóng nực tại miền Bắc, các công ty, xí nghiệp, trường học cũng thường xuyên tổ chức đi du lịch tại Cô Tô với mục đích chung đều là nghỉ dưỡng và khám phá Cô Tô. Trong thời gian gần đây, khi mà Cô Tô được biết đến nhiều hơn bởi cảnh đẹp hoang sơ và nguồn hải sản tươi ngon, các cơ quan

nhà nước và doanh nghiệp đã đầu tư phát triển du lịch, thu hút đông đảo hơn số lượng khách du lịch đến với đảo Cô Tô. Nhiều khách du lịch đơn lẻ, cũng có nhiều đoàn khách phượt, các đoàn khách cơ quan và sinh viên cũng tích cực tìm hiểu thông tin và mong muốn ra đảo du lịch nhiều hơn. Những du khách quốc tế họ đến với Cô Tô hầu như là khách đoàn đi theo tour xuất phát từ Vịnh Hạ Long ra đảo Cô Tô, một số khác đều là khách lẻ, họ đi khám phá và nghỉ dưỡng tại đây.

2.3.2. Các hoạt động du lịch sinh thái

Hoạt động du lịch sinh thái tại huyện Cô Tô diễn ra đa dạng và phong phú với các hoạt động du lịch sinh thái khác nhau.

Du lịch tham quan ngắm cảnh: Loại hình du lịch du ngoạn ngắm cảnh thiên nhiên được diễn ra tại điểm du lịch. Tại Cô Tô có rất nhiều cảnh quan về thiên nhiên và nhân văn như là: nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh nằm tại khu 3, thị trấn Cô Tô, huyện Cô Tô; Trạm Hải Đăng Cô Tô và Cầu Mị trên đảo Cô Tô lớn.

Nhà lưu niệm Hồ Chí Minh là một quần thể di tích trên đảo gồm tượng đài, bia, nhà lưu niệm thuộc hệ thống di tích lịch sử đã xếp hạng lịch sử văn hóa cấp quốc gia theo quyết định QĐ/VH ngày 07 tháng 05 năm 1997. Khu di tích lưu niệm Hồ Chí Minh bao gồm tượng đài Bác Hồ trong khuôn viên và nơi máy bay hạ cánh.

Ngắm nhìn vẻ hùng vĩ của đảo từ trạm Hải Đăng Cô Tô là hoạt động du khách tham gia mỗi khi tới đảo Cô Tô. Trạm Hải Đăng Cô Tô được thắp sáng bằng pin năng lượng mặt trời có hệ thống tự động. Bên cạnh đó, du khách đến thăm quan Cầu Mị ở đảo Cô Tô lớn có hệ thống đá trầm tích được bào mòn hàng vạn năm nước biển. Trên đỉnh ngọn hải đăng, bạn có thể thu vào tầm mắt toàn cảnh đảo Cô Tô. Thị trấn biển đẹp như mơ, xen lẫn những rừng cây xanh mướt, êm đềm những mái nhà khiêm nhường và giản dị.

Du lịch sinh thái rừng nguyên sinh: hoạt động này đã được triển khai ở khu vực rừng chồi nguyên sinh, khách được trải nghiệm các hoạt động tham quan,

khám phá rừng, chụp ảnh lưu niệm, các hoạt động nghiên cứu... Vào mùa hè, đứng giữa cánh rừng ngắm hoa chổi, tận hưởng không khí trong lành, yên tĩnh chỉ có tiếng chim muông và lưu lại cho mình những bức ảnh độc đáo, đẹp mắt là một trải nghiệm vô cùng thú vị.

Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng: Loại hình du lịch nghỉ dưỡng diễn ra tại đảo Cô Tô con cách đảo Cô Tô lớn 1km. Hoạt động nghỉ dưỡng kết hợp cùng hoạt động du ngoạn vì du khách thuê tàu thuyền từ đảo Cô Tô lớn sang đảo Cô Tô con nghỉ dưỡng. Đảo Cô Tô con có bãi tắm đẹp, không có cư dân sinh sống. Trên đảo Cô Tô con có rừng Cô Tô sở hữu nhiều động vật, gỗ quý, chim muông và hoang sơ hoàn toàn. Trên tàu đi ra đảo, khách du lịch có thể ngắm những rạn san hô, rong biển, những đàn cá bơi lội tung tăng dưới làn nước biển trong veo. Kết thúc những ngày dài làm việc mệt mỏi, du khách đi du lịch nghỉ dưỡng tại Cô Tô sẽ chọn nơi đây làm nơi nghỉ dưỡng lý tưởng vì ở đây ít dân cư sinh sống và cảnh quan hoang sơ phù hợp với du lịch nghỉ dưỡng.

Du lịch sinh thái cộng đồng: Loại hình du lịch sinh thái cộng đồng tại Cô Tô đang phát triển, du khách được ở cùng nhà người dân trên địa bàn Huyện để trải nghiệm cuộc sống, tham gia các hoạt động câu cá, câu mực đêm trên biển, đánh lưới ngoài khơi... Du khách tham gia các hoạt động tập thể, đốt lửa trại tại các bãi biển Hồng Vân, Vân Cháy, tham gia hoạt động tình nguyện trên địa bàn huyện Cô Tô, tham gia cùng người dân tại làng nghề truyền thống làm mắm trên huyện Cô Tô.

Du lịch thể thao biển vui chơi giải trí, thám hiểm đa dạng sinh học biển: tại các bãi biển của Cô Tô thì du khách có thể thuê cano, xe máy nước, thuyền kayak,... nhảy dù. Tham gia các trò chơi mạo hiểm tại công viên nước Cô Tô: xích đu, nhảy dù,... Các dịch vụ cho thuê các phương tiện này đều tập trung tại các bãi biển trên đảo, giá thuê mỗi phương tiện dao động từ 150.000 nghìn – 300.000 nghìn tùy phương tiện. Thiên nhiên ban tặng cho đảo Cô Tô có những bãi đá tự nhiên và bờ biển dài thích hợp cho du khách tham gia tắm biển và lặn. Đây là loại hình du lịch hấp dẫn du khách nhất khi đến huyện Cô Tô. Nơi du khách có thể tham gia lặn biển nằm trong công viên nước Cô Tô tại bãi tắm Sinh viên: Trần Vinh Tiến – Lớp VH1801 – Ngành: Văn hóa du lịch . 34

Hồng Vân, giá lặn biển bao gồm cả vé vào công viên nước Cô Tô. Du khách được trang bị kính bơi và ống thở để lặn biển, ngắm nhìn các đàn san hô tuyệt đẹp và những đàn cá tung tăng xung quanh đảo. Bên cạnh đó nhà cung cấp dịch vụ cũng đảm bảo an toàn cho du khách khi tham gia lặn biển.

2.3.3. Doanh thu từ du lịch sinh thái

Do du lịch chưa thực sự phát triển so với tiềm năng mà đảo Cô Tô có được, du khách chưa biết nhiều về điểm đến hấp dẫn này nên doanh thu từ du lịch không cao. Các nguồn thu từ du lịch chủ yếu từ các dịch vụ lưu trú, vận chuyển, ăn uống và buôn bán hải sản làm quà...nhưng còn nhỏ lẻ nên việc thống kê là hết sức khó khăn.

Năm 2018, huyện Cô Tô có lượt khách du lịch đến địa bàn đạt 330.000 lượt, trong đó khách quốc tế đạt 3.500 lượt; duy trì số lượng khách du lịch/năm khoảng từ 300.000 – 330.000 lượt, không đón quá 5.000 khách/ngày; doanh thu từ dịch vụ du lịch ước đạt khoảng 600 tỷ đồng, trong đó thu ngân sách từ dịch vụ du lịch đạt trên 2 tỷ đồng.(www.baoquangninh.com.vn).

Các nguồn thu nhập từ hoạt động kinh doanh du lịch sẽ được đóng góp hỗ trợ những người dân địa phương có hoàn cảnh khó khăn, xây dựng nhà cửa, đường xá, hệ thống điện nước, xây dựng thêm nhiều trường học và cơ sở y tế cho người dân, khắc phục sửa chữa những cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện. Thành lập một số quỹ hỗ trợ cho những người khuyết tật, trẻ em mồ côi, người cao tuổi,...phòng chống thiên tai, bão lũ trên đảo.

Doanh thu của người dân trên đảo chủ yếu từ đánh bắt thủy hải sản, buôn bán các sản phẩm tiêu dùng và kinh doanh hoạt động vui chơi, giải trí cho ngư dân tàu các địa phương cư trú trên âu cảng Cô Tô. Những doanh thu này cũng góp phần mang lại nguồn thu nhập cho người dân địa phương.

2.3.4. Hiện trạng sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch cho du lịch sinh thái

2.3.4.1. Cơ sở hạ tầng

Hệ thống giao thông trên đảo cũng được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, 100% tuyến đường xuyên đảo, đường liên thôn, ngõ xóm được bê tông hoá. Cô Tô đã đưa 20 xe ô tô, 15 xe điện vào phục vụ nhân dân và du khách. Huyện chủ trương tập trung phát triển các đội tàu cao tốc chất lượng cao vận tải hành khách để rút ngắn khoảng cách giữa đảo với đất liền từ 3 đến 4 giờ di chuyển trước đây xuống còn 1,5 đến 2 giờ hiện nay và còn 1 giờ kể từ giữa năm 2012. Về lâu dài sẽ đề nghị đầu tư xây dựng một sân bay trực thăng tại trung tâm đảo Cô Tô.

Hàng chục hồ nước trên đảo được nâng cấp, xây mới để phục vụ sinh hoạt và sản xuất và nhu cầu sử dụng nước sạch của các khu du lịch trên đảo của người dân như hồ C4, hồ Chiến Thắng 1, hồ Chiến Thắng 2.... Bên cạnh đó, Huyện đã đầu tư xây dựng các trung tâm cấp nước sinh hoạt có công suất hoạt động từ 600- 1.000m³/ngày. Đến nay, đã giải quyết được tình trạng thiếu nước sinh hoạt và sản xuất của hàng nghìn hộ dân trên đảo, 95% hộ dân đã được sử dụng nguồn nước sạch sinh hoạt và phục vụ khách du lịch.

Cuối năm 2013, Cô Tô đã có điện lưới quốc gia nhờ đường điện xuyên biển có mức đầu tư hơn 1106 tỷ đồng, dài 58,5 km từ Vân Đồn ra Cô Tô, trong đó có 25 km cáp ngầm 22 KV xuyên biển góp phần nâng cao chất lượng phục vụ du lịch trên đảo.

Khi Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá hoàn thành và đi vào hoạt động, đây là nơi cung ứng đầy đủ các mặt hàng thiết yếu cho ngư dân như dầu diesel, nước ngọt, hàng đông lạnh, lương thực, vật tư ngư nghiệp... để ngư dân yên tâm bám biển dài ngày. Trung tâm sẽ là đầu mối vận tải hàng hoá lớn nhất ở Cô Tô, đặt nền tảng phát triển cho ngành công nghiệp chế biến thuỷ sản của Huyện đảo. Đồng thời góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách du lịch đến với đảo Cô Tô. Đặc biệt huyện đã lắp đặt 02 máy phát hình UHF, 01 máy phát sóng FM 500W, trang bị 1.500 đầu thu kỹ thuật số VTC-SD cho các hộ dân trên

địa bàn. Cô Tô trở thành Huyện đầu tiên trong cả nước phủ sóng internet không dây wifi(2012) và 100% hộ dân sử dụng đầu thu kỹ thuật số VTC.

2.3.4.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

Theo số liệu thống kê, tốc độ phát triển hệ thống dịch vụ lưu trú trên địa bàn Huyện tăng khá nhanh. Hiện nay Cô Tô có tổng số trên 600 phòng nghỉ. Đặc biệt, trong số đó, từ cuối năm 2013 khi Cô Tô có điện lưới quốc gia đến nay nhân dân trong Huyện đã đầu tư thêm khoảng 500 phòng nghỉ trị giá trên 100 tỷ đồng để phục vụ khách du lịch, mang lại một diện mạo mới cho Cô Tô. Những năm gần đây nhà cửa của người dân được nâng cấp, tu sửa lại khang trang hơn, nhiều ngôi nhà mới được mọc lên san sát, nhiều nhất vẫn là hệ thống nhà nghỉ, khách sạn phục vụ khách du lịch. Các loại hình cơ sở lưu trú ở Cô Tô khá đa dạng, với các khách sạn cao cấp, nhà nghỉ, homestay, nhà gỗ, lều trại trên bãi biển, bungalow....Các cơ sở lưu trú nằm tập trung trên khu vực các bãi biển Hồng Vân, Vân Chải, Cầu Mị với lối kiến trúc độc đáo, gần gũi với tự nhiên, thân thiện với môi trường.

Một số cơ sở lưu trú phù hợp với du lịch sinh thái trên đảo Cô Tô

Homestay Coto Village

Coto Village nằm trên một trong những bãi biển đẹp nhất Cô Tô - bãi biển Hồng Vân. Kiến trúc của Coto Village rất đặc biệt với những căn bungalow gỗ nhỏ xinh với view biển cực lãng mạn. Chưa kể được hưởng không khí trong lành, mát rượi của biển cùng những pic siêu ảo diệu với biển xanh cát trắng. Giá phòng giao động từ 800.000 nghìn đồng – 1.200.000 nghìn đồng.

Coto Gardens

Chính từ sự kết hợp giữa cây xanh và sắc hoa tường vi mà tạo nên một Coto Garden đặc trưng riêng biệt, để lại ấn tượng sâu sắc cho nhiều du khách đến nghỉ ngơi tại đây.

Nằm tại thôn Nam Hải - đôn tiến Cô Tô và ở giữa trung tâm 2 bãi biển đẹp nhất Cô Tô là bãi Vân Chải và bãi Hồng Vân đã làm khiến cho Coto Garden được lựa chọn nhiều nhất trong chuyến đi Cô Tô.

Đây là điểm dừng chân không thể tuyệt vời hơn nữa bởi khoảng cách tới mỗi bãi tắm là 1.5km, cách bến đò đi Cô Tô con 600m, quả là rất thuận tiện cho việc khám phá của bạn rồi đấy nhé.

Tại Coto Garden, bạn sẽ được tận hưởng không gian thoáng mát, sạch sẽ, xen kẽ bởi cây xanh tỏa bóng mát ở khắp nơi. Đặc biệt là nhà hàng với sức chứa trên 100 khách, với những món đặc sản của biển đảo Cô Tô, kết hợp với sự chu đáo, nhiệt tình của chủ nhà sẽ mang đến cho bạn chuyến đi Cô Tô hoàn trọn vẹn nhất.

Coto Eco Lodge

Toạ lạc tại thôn Hồng Hải, đảo Cô Tô, cách bãi biển Hồng Vân 100m. Coto Eco Lodge với thâm niên gần 10 năm tại Cô Tô, là đơn vị đầu tiên khai thác du lịch tại hòn đảo phía Đông Bắc.

Điều đặc biệt ở Coto Eco Lodge là những bữa tiệc BBQ bãi biển với giá buffet 350.000 nghìn/ người của chính homestay này. Không gian trên biển buổi đêm, với bàn ghế gỗ, rèm lụa, hải sản, nhạc và vang... quá thể là lãng mạn. Còn giá phòng ở đây ngày lễ cũng như ngày thường 750.000 nghìn đồng/phòng.

Green Coto Hotel

Mang tiêu chí xây dựng khu nghỉ dưỡng theo mô hình resort yên tĩnh có bãi biển riêng biệt và nhiều dịch vụ khác đi kèm, đảm bảo bạn sẽ tìm thấy một không gian mình đang mong muốn tại Green Coto Hotel. Cách cầu cảng không xa lắm, chỉ khoảng 1.8 km, nơi đây mang đến cho bạn cảm giác thoải mái từ khuôn viên cafe cho đến nhà hàng riêng với các món hải sản từ biển.

Ngoài ra, bạn còn được trải nghiệm những dịch vụ miễn phí như ngắm thiên văn, đèn dạo biển, ô che nắng, ghế nghỉ bãi biển,...

Giá phòng dao động từ 500 – 700.000đ thật sự là mức giá hợp lý cho bất cứ gia đình hoặc cặp đôi du lịch nào.

Thủy Thịnh Coto

Với những trang thiết bị cao cấp từ ga nệm, điều hòa, quạt,...được lựa chọn tỉ mỉ mà không có một nơi lưu trú nào ở Cô Tô có được, chắc chắn khách sạn Thủy Thịnh Coto sẽ làm bạn hài lòng.

Đặc biệt với dãy nhà được thiết kế để có một view nhìn ra biển cực kỳ đẹp, kết hợp với không gian yên tĩnh, bạn sẽ dễ dàng nghe được tiếng sóng ngày đêm vỗ về. Nếu lười ra biển bạn có thể nằm trên giường và ngắm nhìn ra biển qua cửa phòng bằng kính 24/24.

Khi lưu trú tại đây bạn có thể ngắm cảnh hoàng hôn ngay tại phòng mà không phải đi đâu xa. Khách sạn Thủy Thịnh Cô Tô gồm 12 phòng riêng biệt. Gồm 5 phòng đôi với 2 giường đệm cao cấp và 7 phòng đơn với giường nệm 1m6. Phòng có diện tích 15m² nhưng được thiết kế hợp lý sẽ mang đến cho quý khách cảm giác rộng rãi, thoáng đãng.

Giá phòng dao động từ thứ 2 - thứ 5 là 600.000 – 700.000 nghìn đồng, từ thứ 6 - chủ nhật là 700.000 - 800.000 nghìn đồng.

Khách sạn Hoàng Trung

Khách sạn Hoàng Trung nằm ở trung tâm thị trấn Cô Tô, cách bãi tắm Tình yêu 100m, Khách sạn nằm trong trung tâm thị trấn Cô Tô nên rất thuận tiện cho việc đi lại cũng như ăn uống và giải trí của du khách. Khách sạn Hoàng Trung là khách sạn lớn nhất tại Cô Tô với số lượng phòng lên tới 58 phòng trong đó có 02 phòng Vip, 42 phòng đôi và 14 phòng đơn, với thiết kế sang trọng, lịch lãm, tiện nghi và đẳng cấp.

Khách sạn Thanh Măng

Khách sạn Thanh Măng là một trong số những khách sạn đẹp nhất trên đảo Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh. Nhà nghỉ được xây dựng và hoạt động từ năm 2009, nâng cấp mở rộng năm 2013 nhà nghỉ cách cầu cảng 200m, thiết kế 2 mặt tiền, mặt trước là đường ngã 3 cầu cảng đường trung tâm huyện, mặt sau giáp biển cách bờ biển 20m. Các phòng nghỉ được trang bị đầy đủ tiện nghi: điều hòa, tivi, bàn ghế, tủ, đặc biệt ngồi trong phòng nghỉ có thể ngắm được cầu cảng và biển.

Các phòng đều có diện tích lớn trên 20m², giường nghỉ rộng rãi, thoải mái. Nhiều phòng hướng biển. Tất cả các phòng đều được trang bị điều hòa, với điện 24/24 giúp quý khách có thời gian nghỉ ngơi thoải mái nhất.

Sự nhiệt tình, chu đáo của người quản lý nhà nghỉ, cùng với những dịch vụ tiện nghi mà khách hàng được trải nghiệm, đã thực sự để lại ấn tượng tốt đẹp và sự tin tưởng khi lựa chọn Khách sạn Thanh Măng cho hành trình du lịch đảo Cô Tô của nhiều du khách.

Một số nhà hàng tiêu biểu

Nhà hàng trên bãi biển Ngọc Quỳnh, đây là nhà hàng nằm trên bãi biển Vàn Cháy, một trong những bãi biển đẹp nhất đảo Cô Tô. Nơi đây không chỉ nổi tiếng với những bãi tắm tuyệt đẹp mà nơi đây còn có nhiều dịch vụ phong phú. Nhà hàng không chỉ có đồ ăn ngon nổi tiếng mà nơi đây còn có dịch vụ hát karaoke trên biển, hay tổ chức Team Building trên biển.

Nhà hàng Coto Eco Lodge gồm 18 căn nhà gỗ hướng biển, nằm trên bãi Hồng Vàn, Đồng Tiến, Cô Tô. ... với mức giá “chấp nhận được”, đã tồn tại “lặng lẽ” mấy năm nay ở Cô Tô. Nhà hàng bãi biển Tại Eco Lodge: Phục vụ các món ăn hải sản và các món ăn thông thường theo thực đơn, được nhiều người trẻ biết đến.

Một số khu vui chơi giải trí:

Cô Tô Park là khu vui chơi đặc biệt hấp dẫn và mới mẻ tại bãi biển Hồng Vàn – bãi biển đẹp nhất miền Bắc. Với kiểu dáng hiện đại và vô cùng độc đáo, tổng diện tích hơn 1.000m², Cô Tô Park trở thành công viên nước lớn nhất tại Việt Nam, duy nhất tại đảo thiên đường Cô Tô, Quảng Ninh.

Cô Tô Park được chia thành nhiều hạng mục vui chơi mới lạ, hấp dẫn như tổ hợp trò chơi bơm hơi, vượt chướng ngại vật, leo núi trên biển, cưỡi phao chuối, kayak bơm hơi, bóng chuyền nước, khu vui chơi cát dành cho trẻ em. Với tiện ích bao gồm vui chơi và ăn uống ngay cùng một nơi, công viên nước Cô Tô Park sẽ là điểm đến số một cho mọi người trong những kỳ nghỉ sắp tới.

Nhìn chung, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch ở đây đã ngày càng đáp ứng tốt nhu cầu của phát triển du lịch nói chung và du lịch sinh thái nói riêng. Tiện nghi đầy đủ, kiến trúc thân thiện gần gũi với thiên nhiên là điều kiện phù hợp để đáp ứng nhu cầu du lịch sinh thái của khách du lịch. Công tác xây dựng thêm các cơ sở hạ tầng cũng được chú trọng đầu tư, đảm bảo cho sự phát triển du lịch bền vững, đáp ứng đủ nhu cầu của khách du lịch, giữ gìn bảo tồn môi trường biển. Mở rộng và khai thác xây dựng những khu du lịch sinh thái trên đảo góp phần phát triển du lịch sinh thái tại Cô Tô.

2.3.5. Hiện trạng sử dụng nguồn nhân lực cho du lịch sinh thái

Bên cạnh nghề truyền thống đánh bắt, nuôi trồng hải sản, nhiều hộ dân ở Cô Tô đã tập trung đầu tư vốn phục vụ du lịch như: đầu tư tàu thuyền, homestay, nhà nghỉ, đặc biệt là đầu tư phát triển du lịch cộng đồng, điển hình là xã Đồng Tiến.

Ở Cô Tô thì nguồn nhân lực du lịch chủ yếu vẫn là người dân địa phương tại đây. Một số khác thì là những người dân ở trong đất liền gần với đảo Cô Tô họ muốn tìm một nơi kinh doanh mới để kiếm thêm nguồn thu nhập cho gia đình. Còn những cơ sở lưu trú khách sạn, nhà hàng, vui chơi giải trí thì nguồn nhân lực chủ yếu của họ là những người được đào tạo ở nơi khác đến làm việc, số lượng không nhiều hầu hết họ được tuyển ở những khách sạn nhà hàng lớn tại đây, còn những khách sạn nhà hàng nhỏ lẻ thì chủ yếu vẫn là người dân địa phương.

Các chương trình phát triển nhân lực du lịch tại địa phương liên kết với các cơ sở đào tạo nghề du lịch mở các lớp đào tạo nghề du lịch ngắn hạn, và lớp trung cấp chuyên nghiệp du lịch, có cơ chế đào tạo liên thông lên cao đẳng, đại học cho thanh niên trong Huyện. Hỗ trợ học phí cho người dân, thanh niên trong huyện có hoàn cảnh khó khăn để học và đào tạo nhân lực du lịch cho địa phương và gia đình. Tổ chức lớp học ngoại ngữ tiếng Anh, tiếng Trung, đào tạo công nghệ thông tin cho người dân địa phương để có thể phục vụ bồi dưỡng thêm

kiến thức cho nhân lực địa phương để có thể giới thiệu cho khách du lịch về tiềm năng thế mạnh trên địa bàn của mình.

Huyện cử các cán bộ của Huyện, cán bộ, nhân viên của công ty lữ hành tới từng hộ gia đình tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân các kỹ năng phục vụ như việc giao tiếp, nấu ăn, vệ sinh, xây dựng đội văn nghệ... Đây là điều kiện thuận lợi để Cô Tô phát triển du lịch song cần chú ý phát triển bền vững phải đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái của huyện đảo.

2.3.6. Hiện trạng công tác xúc tiến du lịch sinh thái

Cô Tô đã rất quan tâm chú trọng đến công tác tuyên truyền, xúc tiến quảng bá du lịch với nhiều hình thức phong phú nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân về ý nghĩa của việc phát triển kinh tế du lịch đối với huyện đảo Cô Tô.

Năm 2017 Cô Tô đã tổ chức nhiều hoạt động vui chơi, giải trí phục vụ nhân dân và du khách, chào đón hè 2017 nhằm thu hút du khách như: Triển lãm ảnh đẹp, video clip về Cô Tô, thi hướng dẫn viên du lịch, các nhóm nhảy đẹp...

Huyện đã phát hành sổ tay du lịch giới thiệu và cung cấp thông tin về khách sạn, nhà hàng, đi lại có niêm yết giá hàng năm. Năm 2017, huyện đã phát hành 30 nghìn quyển “Cẩm nang du lịch Cô Tô”, phát cho các du khách để du khách biết thông tin về du lịch Cô Tô. Trong đó đã cung cấp cơ bản đầy đủ các thông tin về du lịch Cô Tô từ dịch vụ du lịch đến giao thông đi lại, các điểm tham quan, các chương trình du lịch, sản phẩm du lịch.

Tổ chức chương trình “Du lịch sinh thái”, thực hiện các cơ chế hỗ trợ du khách thăm quan, nghỉ dưỡng tại đảo. Tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái ít tác động đến môi trường như ngắm cảnh thiên nhiên hoang dã, trồng hoa,... và hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường thiên nhiên, các hoạt động tình nguyện bảo vệ môi trường sinh thái trên địa bàn huyện.

2.4. Đánh giá chung

2.4.1. Thuận lợi

Huyện đảo Cô Tô nằm ở phía Đông bắc của Tổ quốc, có cảnh đẹp tự nhiên phong phú. Du khách đến Cô Tô không chỉ ấn tượng về vẻ đẹp hoang sơ, vẹn nguyên của thiên nhiên vùng biển mà còn ấn tượng với sự thân thiện của người dân địa phương, sự quản lý bài bản của chính quyền huyện đảo.

Nằm ở vị trí địa lý ngoài khơi vịnh Bắc Bộ, thiên nhiên đã ban tặng Cô Tô những nét độc đáo, bí ẩn của tự nhiên. Bờ biển của đảo có vị thế khác hẳn với các đoạn bờ biển trên đất liền thuộc tuyến Hạ Long-Bạch Long Vĩ. Bãi biển sạch, đẹp với dải cát trắng mịn, lại có sóng biển lớn là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch thể thao lướt ván, lướt sóng và bơi lội. Các bãi biển trên đảo Cô Tô còn có đặc điểm độc đáo là sườn cát đá ngầm khá sâu rất tiện cho bơi lội, hợp với nhu cầu du khách tắm biển và thích khám phá.

Đảo còn giữ được vẻ nguyên sơ, các bãi tắm và đất ven bãi biển chưa bị chia nhỏ (đảo Cô Tô còn phù hợp cho phát triển khu nghỉ dưỡng cao cấp vì chưa có dân sinh sống và trên đảo Cô Tô còn nhiều vị trí phù hợp phát triển du lịch sinh thái biển).

Với hàng nghìn ngư dân đánh bắt trên biển cũng như các tàu bè đánh bắt xa đất liền của các địa phương khác gần huyện nên Cô Tô có điều kiện thuận lợi phát triển thành dịch vụ hậu cần, làng nghề cá trên địa bàn huyện (đã được phê duyệt dịch vụ). Đây chính là một trong những điểm thu hút khách du lịch và tạo thành tuyến thăm quan du lịch làng nghề cá, bắt ốc, câu mực đêm, chế biến mực, cá khô.

Đặc biệt, tương lai khu kinh tế hành chính đặc biệt Vân Đồn hình thành Cô Tô sẽ có điều kiện thuận lợi thu hút khách du lịch và tạo kết nối đối với Vân Đồn từ đó tạo ra chuỗi du lịch nghỉ dưỡng hấp dẫn du khách.

Cơ sở hạ tầng như điện, đường, trường, trạm... luôn được chú trọng đầu tư hiện đại nhằm đưa du lịch sinh thái huyện Cô Tô phát triển.

Đảng Ủy, Ủy Ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh, huyện Cô Tô đã triển khai những chính sách, chương trình hỗ trợ ngành lịch nhằm đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện đảo.

2.4.2. Khó khăn

Mặc dù có nhiều điều kiện thuận lợi, du lịch sinh thái ở Cô Tô trong những năm qua có những bước phát triển đáng kể. Tuy nhiên việc phát triển du lịch sinh thái ở Cô Tô vẫn còn nhiều vấn đề cần xem xét.

Hệ thống hạ tầng du lịch chưa hoàn thiện, phương tiện tàu thuyền đưa đón du khách chưa đáp ứng nhu cầu tham gia du lịch sinh thái.

Nguồn lao động địa phương dồi dào nhưng nhân lực phục vụ du lịch chưa qua đào tạo chuyên nghiệp chiếm tỷ trọng cao. Chất lượng phục vụ tại khu du lịch sinh thái còn nhiều hạn chế, chưa am hiểu về du lịch sinh thái và bản chất của du lịch sinh thái.

Kiến thức và nhận thức của người dân về vấn đề bảo vệ môi trường, du lịch cao cấp vẫn còn hạn chế, chủ yếu tự phát và học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

Cơ sở vật chất kỹ thuật mang đặc trưng du lịch sinh thái còn thiếu, chủ yếu là các khách sạn, nhà hàng phục vụ khách du lịch nói chung chưa thực sự mang khuynh hướng du lịch sinh thái. Các dịch vụ du lịch sinh thái còn hạn chế, số lượng khách đến với khuynh hướng du lịch sinh thái còn ít, doanh thu hạn chế.

Việc thu hút cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch còn nhiều hạn chế, người dân mới chỉ tham gia vào các hoạt động phục vụ đơn thuần, lợi ích từ du lịch chia sẻ cho cộng đồng địa phương còn nhiều hạn chế.

Phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường còn thiếu gắn kết chưa thực sự được quan tâm, quy hoạch du lịch còn nhiều bất cập, công tác quảng bá xúc tiến du lịch còn nhiều hạn chế.

Tiểu kết chương 2

Trong chương 2 khóa luận đã phân tích các điều kiện phát triển và thực trạng phát triển du lịch sinh thái tại Cô Tô đồng thời tác giả cũng đánh giá những thuận lợi - khó khăn, những mặt tích cực – hạn chế trong phát triển du lịch sinh thái tại Cô Tô. Đây sẽ là tiền đề để tác giả đề xuất các giải pháp trong chương 3 của khóa luận.

CHƯƠNG 3 ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI CÔ TÔ - QUẢNG NINH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

3.1. Mục tiêu, định hướng phát triển du lịch của Quảng Ninh

3.1.1. Mục tiêu

Phấn đấu đưa du lịch đảo Cô Tô trở thành trung tâm du lịch sinh thái biển chất lượng cao, trung tâm vui chơi giải trí đẳng cấp Quốc tế (năm 2020); trở thành trung tâm công nghiệp giải trí đẳng cấp Quốc tế vào năm 2030, là một trong những khu du lịch quốc gia của Việt Nam.

Phát triển du lịch ngày càng có tính chuyên nghiệp với hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ, hiện đại và sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc du lịch biển đảo của Việt Nam. Phát triển du lịch gắn liền với công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường, giữ gìn bản sắc truyền thống văn hoá; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, đặc biệt chú ý đến giải quyết công ăn việc làm và nâng cao trình độ dân trí cho cộng đồng dân cư trên đảo.

- Mục tiêu kinh tế: Giai đoạn 2015, khách du lịch đến với Cô Tô ước đạt 105 ngàn lượt khách, trong đó khách du lịch Quốc tế là gần 4 ngàn lượt khách. Tổng doanh thu đạt gần 179,4 tỷ đồng. Đến năm 2020, tổng số khách du lịch là 150 ngàn lượt, trong đó khách du lịch khách Quốc tế là 17,6 ngàn lượt khách. Tổng doanh thu đạt 605,6 tỷ đồng. Đến năm 2030, số lượng khách du lịch đạt 220 ngàn lượt, trong đó khách du lịch Quốc tế là 50 ngàn lượt khách. Tổng doanh thu đạt khoảng 1.735,8 tỷ đồng.

- Mục tiêu xã hội: Giải quyết việc làm cho người dân địa phương, chuyển đổi cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập cải thiện đời sống người dân. Chia sẻ lợi ích từ hoạt động du lịch thúc đẩy phát triển kinh tế Huyện.

- Mục tiêu bảo vệ An ninh - Quốc phòng: Phát triển du lịch kết hợp chặt chẽ với phát triển kinh tế, bảo vệ an ninh, chính trị, củng cố Quốc phòng, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, chủ quyền biên giới lãnh thổ.

Mục tiêu cụ thể như sau:

* Về số lượng khách du lịch

- Giai đoạn phát triển trung hạn (2016 - 2020): Số lượng khách đạt 150 khách du lịch Quốc tế đạt 17,6 ngàn lượt khách; khách du lịch nội địa 132 ngàn lượt khách.

- Giai đoạn phát triển dài hạn (2021 - 2030): Số lượng du khách đạt 220 ngàn lượt, trong đó khách du lịch Quốc tế là 50 ngàn lượt khách, khách du lịch nội địa 170 ngàn lượt khách.

* Về ngày lưu trú trung bình và tổng số ngày khách

Giai đoạn trung hạn 2016 - 2020: tổng số ngày khách là 382 nghìn ngày, trong đó khách du lịch Quốc tế là 13,4 %, khách du lịch nội địa 86,6 %.

Giai đoạn dài hạn 2021 - 2030: tổng số ngày khách là 795 nghìn ngày, trong đó khách du lịch Quốc tế đạt 25,2 %, khách du lịch nội địa 74,8%.

* Mức chi tiêu của khách du lịch

Đến năm 2020: Mức chi tiêu trung bình của khách nội địa sẽ tăng đạt 80 USD, khách du lịch Quốc tế ước đạt 60 USD.

Đến năm 2030: Du lịch Côn Tô sẽ đạt mức chi tiêu khách du lịch Quốc tế là 150 USD, đối với khách du lịch nội địa là 120 USD.

* Tổng thu từ khách du lịch

Đến năm 2020: Tổng thu từ dịch vụ du lịch là 27,5 triệu USD, trong đó khách du lịch Quốc tế là 1,1 triệu USD, khách nội địa là 26,5 triệu USD.

Đến năm 2030: Tổng thu từ dịch vụ du lịch huyện là 78,9 triệu USD, trong đó khách du lịch Quốc tế là 7,5 triệu USD, khách du lịch nội địa là 71,4 triệu USD.

* Các loại hình du lịch của Côn Tô:

- Du lịch nghỉ dưỡng biển.
- Du lịch MICE (hội nghị, hội thảo, triển lãm, galar, dinner...).
- Du lịch sinh thái biển, hệ sinh thái rừng.
- Du lịch tham quan thắng cảnh biển, các di tích lịch sử, văn hóa và làng nghề gắn liền với cộng đồng dân cư trên đảo.

- Du lịch thể thao biển vui chơi giải trí, thám hiểm đa dạng sinh học biển;
- Du lịch khám phá đảo.
 - Du lịch trải nghiệm.
 - Du lịch cộng đồng “Homestay”
 - Du lịch “Phi truyền thống”.

3.1.2. Định hướng phát triển.

Định hướng nhất quán để phát triển vùng biển đảo Cô Tô trong giai đoạn tới là: Khai thác và phát huy triệt để những tiềm năng, lợi thế sẵn có, nắm bắt các cơ hội, thu hút đầu tư để phát triển nhanh, tạo sự bứt phá về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; từng bước xây dựng Cô Tô thành một vùng đảo có kinh tế phát triển năng động, một căn cứ vững chắc bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

Phát triển Cô Tô theo hướng mở cửa, hội nhập, có tầm nhìn dài hạn và bước đi thích hợp, bảo đảm phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Thu hút các nguồn lực để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, phát triển các ngành có lợi thế như thủy hải sản, du lịch, dịch vụ biển. Tập trung xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng; thực hiện các cơ chế chính sách ưu đãi và thông thoáng để thu hút các nhà đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trên vùng đảo. Lấy phát triển kinh tế làm cơ sở để tăng cường củng cố quốc phòng an ninh, đồng thời lấy bảo đảm quốc phòng an ninh làm tiền đề số một để phát triển kinh tế. Coi trọng phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, không ngừng nâng cao dân trí và đời sống của nhân dân; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ, tái tạo tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái. Về mục tiêu cụ thể của Cô Tô từ nay đến năm 2020: Đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 18% – 20%/năm; nâng mức thu nhập bình quân đầu người từ 24 triệu đồng hiện nay lên 50 triệu đồng vào năm 2020; phân đầu cơ cấu kinh tế đến năm 2020: dịch vụ chiếm 50% (riêng du lịch chiếm 35%); tiểu thủ công nghiệp – xây dựng chiếm 15 %; hải sản 30%; nông lâm nghiệp chỉ còn 5%. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 20% năm

2013 lên 50% vào năm 2020, đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh của ngành du lịch dịch vụ và chế biến hải sản.

Đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Huyện Cô Tô đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch của Huyện, trong đó lưu ý Cô Tô cần làm tốt công tác quy hoạch ngành du lịch, tận dụng quy hoạch du lịch của tỉnh, chú ý phân vùng, phân khu, các loại hình du lịch. Khi có quy hoạch du lịch sẽ tăng cường kêu gọi đầu tư; phát triển các sản phẩm du lịch, có kế hoạch sử dụng quỹ đất hợp lý; xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực du lịch, nâng cao chất lượng phục vụ du lịch... Đồng thời chú ý đến công tác quản lý môi trường kinh doanh du lịch, trong đó chú trọng đến vấn đề an ninh trật tự, an toàn giao thông đường biển, đường bộ, an toàn vệ sinh thực phẩm, vấn đề vệ sinh môi trường, an toàn tại các bãi tắm. Cũng như tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch. Ngoài ra, đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Công an tỉnh nghiên cứu, triển khai mô hình cấp phép lên đảo cho du khách nước ngoài.

Đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ đường thủy nội địa đẩy nhanh tiến độ đăng kiểm các phương tiện phục vụ khách du lịch; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với huyện tiến hành cấp phép một số bãi tắm du lịch, khách sạn, điểm dừng chân, tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ du lịch...

Việc phát triển loại hình du lịch cộng đồng kiểu homestay mang đến nhiều lợi ích cho cả khách du lịch lẫn người dân địa phương cũng như các công ty du lịch. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích hiện hữu còn những vấn đề cần nhiều sự quan tâm, nhất là việc giữ gìn bản sắc văn hóa khỏi sự ảnh hưởng, xâm hại của văn hóa ngoại lai.

3.2. Một số giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại Cô Tô theo hướng bền vững

Để Cô Tô có thể phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững thì cần phải giải quyết những vấn đề còn tồn ở đây. Những vấn đề như cơ sở hạ tầng – vật chất kỹ thuật, hệ thống hạ tầng du lịch còn chưa được hoàn thiện, phương

tiện tàu thuyền đưa đón du khách còn chưa đáp ứng được nhu cầu du lịch sinh thái của địa bàn. Vấn đề phát triển nguồn nhân lực thì nhân lực phục vụ có nghiệp vụ đào tạo chuyên nghiệp không nhiều vì hầu hết nhân lực chủ yếu là người dân địa phương chưa được đào tạo, chất lượng phục vụ du lịch sinh thái còn hạn chế. Kiến thức và nhận thức của người dân còn nhiều bất cập về vấn đề bảo vệ môi trường, các hoạt động sử dụng tài nguyên môi trường vẫn mang tính tự phát và tiềm ẩn nhiều nguy cơ thiếu an toàn cho môi trường và con người. Về vấn đề dịch vụ, những năm trước khi đến Cô Tô, những du khách thường thuê lại nhà dân với mức giá hợp lý, sau khi Cô Tô được hòa lưới điện quốc gia thì các khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ mọc lên dần dần nhiều hơn. Du khách đến du lịch ngày càng đông, tình trạng hết giá vào mùa vụ du lịch đơn giá phòng tăng gấp đôi vì cung không đủ cầu, nếu trước khi đến mà du khách không đặt phòng trước sẽ không thể tìm được cho mình phòng hợp lý. Còn về vấn đề môi trường, tại đây các hoạt động du lịch vào mùa hè diễn ra tập nập, một số du khách còn thiếu ý thức về vấn đề bảo vệ môi trường, chưa hiểu hết những giá trị về mặt tài nguyên, sinh thái vùng biển đảo nên họ chưa thực sự có ý thức với nơi mình đặt chân tới. Sau đây tác giả đưa ra một số giải pháp cụ thể hơn để phát triển du lịch sinh thái tại Cô Tô theo hướng bền vững.

3.2.1. Bảo vệ tài nguyên du lịch sinh thái và môi trường du lịch

Đảo Cô Tô có lợi thế là một khu du lịch sinh thái còn tương đối hoang sơ hầu như chưa có sự tác động của con người đến môi trường và cảnh quan tự nhiên nên cần đưa ra những giải pháp hợp lý để trong khi khai thác du lịch vẫn giữ được môi trường trong lành, đảm bảo các nguyên tắc của du lịch sinh thái. Tuy nhiên, đây là môi trường tương đối nhạy cảm và dễ bị tổn thương phá vỡ nếu cứ khai thác mà không có biện pháp bảo vệ nên yêu cầu đặt ra là phải có những kế hoạch cụ thể giữ gìn tài nguyên du lịch tự nhiên, môi trường sinh thái và tài nguyên du lịch nhân văn.

Để có thể thực hiện được nhiệm vụ bảo vệ môi trường tại khu du lịch trong chiến lược chung của toàn tỉnh, một trong những giải pháp quan trọng là

phải kiện toàn tổ chức và cơ chế quản lý. Kiện toàn bộ máy quản lý về du lịch nói chung và môi trường du lịch nói riêng. Gắn mô hình đổi mới tổ chức quản lý với yêu cầu đảm bảo tính hiệu quả, đồng bộ, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ trong nhiệm vụ chung bảo vệ môi trường du lịch sinh thái.

Ban quản lý dự án phải xác định sức chứa của khu du lịch, đảm bảo tuân thủ những yêu cầu về sức chứa để không phá vỡ cảnh quan và không gây sức ép với môi trường. Tại khu du lịch xây dựng các khẩu hiệu, nội quy của khu về bảo vệ môi trường để du khách nắm rõ nguyên tắc của khu du lịch thực hiện trên tinh thần tự giác.

Xây dựng hệ thống thu gom rác thải tại địa điểm du lịch và trên biển. Quy định việc thu gom rác trên biển và các tàu đánh cá trong âu, tàu du lịch. Các tàu đưa đón khách du lịch bắt buộc phải có thùng rác trên tàu, hệ thống chứa và xử lý nước thải sinh hoạt nhằm hạn chế triệt để việc gây ô nhiễm do hoạt động du lịch. Kinh phí trích từ nguồn thu vé tàu khách khi tham quan du lịch. Hạn chế việc du khách xả rác bừa bãi nhất là các loại rác khó phân hủy như bao nilon, chai thủy tinh, ống lon...nên tăng cường đặt những thùng rác dọc đường đi kết hợp với những lời nhắc nhở và ý thức của dân cư trên đảo đồng thời là tốt công tác tuyên truyền giáo dục vệ sinh môi trường.

Đưa ra các mức phạt nếu du khách không tuân thủ những nguyên tắc của khu du lịch về bảo vệ môi trường như xả rác bừa bãi trên tàu thuyền, bãi biển, vườn quốc gia và tại những nơi tham quan. Đi vệ sinh không đúng nơi quy định, có tác động không tốt đến hệ sinh thái.

Thành lập đội vệ sinh môi trường làm công tác thu gom rác thải, làm sạch môi trường nước, hàng ngày thu gom và đưa rác thải đến nơi khác xử lý.

Tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng địa phương, làm cho họ thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường đối với cuộc sống và đối với du lịch, tạo điều kiện cho người dân tham gia hoạt động du lịch, nâng cao đời sống cho họ để họ thấy được lợi ích của việc phát triển du lịch. Từ đó họ có ý thức làm du lịch và có ý thức với môi

trường. Đào tạo cho họ những kỹ năng trong giao tiếp ứng xử với khách để họ có thể tuyên truyền cho du khách bảo vệ môi trường, cảnh quan sinh thái.

Công tác quy hoạch cũng cần được chú trọng để đảm bảo các công trình xây dựng phục vụ du lịch sẽ không làm phá vỡ cảnh quan hoang sơ của Cô Tô.

3.2.2. Giải pháp thu hút cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái

Huyện Cô Tô có điều kiện phát triển du lịch sinh thái vì so với các khu du lịch khác thì huyện đảo Cô Tô còn khá hoang sơ và hấp dẫn khách du lịch, nhưng chỉ có tài nguyên ban tặng thì chưa đủ mà cần có sự phối hợp hoạt động của cộng đồng dân cư bản địa thì mới có thể phát triển tốt loại hình du lịch sinh thái. Vì vậy, các cơ quan chức năng tỉnh Quảng Ninh cần có những chiến lược cụ thể thu hút cộng đồng vào làm du lịch, khai thác tốt tiềm năng sẵn có mà thiên nhiên ban tặng.

Cộng đồng địa phương có vai trò vô cùng quan trọng với sự phát triển của du lịch địa phương. Nếu không có sự tham gia của cộng đồng địa phương thì hoạt động du lịch khó mà diễn ra được. Đặc biệt là đối với loại hình du lịch sinh thái thì sự tham gia của cộng đồng địa phương là yếu tố quyết định đến sự phát triển và hiệu quả cho loại hình du lịch này. Vì vậy, muốn nâng cao và phát triển các loại hình du lịch tại đảo Cô Tô cần có chính sách thu hút cộng đồng địa phương tham gia.

Cộng đồng địa phương trên quần đảo Cô Tô chủ yếu là lao động phổ thông, sống bằng nghề khai thác thủy hải sản, đánh bắt trên biển. Khi du lịch được khai thác họ bắt tay vào làm du lịch. Để du lịch trở thành ngành nghề chính của họ thì các cơ quan chính quyền địa phương phải có những chính sách hỗ trợ ban đầu cho họ. Đào tạo cho họ những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ du lịch với những kiến thức đơn giản nhất để họ có thể tiếp thu và ứng dụng vào công việc. Tạo điều kiện cho họ có thể tham gia vào hoạt động du lịch. Đối với những người dân thật thà chất phác chỉ nên đào tạo họ trở thành những người có thể làm du lịch thông qua sự hiểu biết sâu sắc về nơi họ đang sinh sống. Họ thể

hiện vai trò của mình như những chủ nhà đón tiếp khách, làm cho du khách cảm thấy gần gũi, hiểu rõ hơn nét độc đáo của cảnh quan nơi biển đảo.

Cộng đồng địa phương tham gia du lịch nhưng bước đầu họ chưa có phương tiện khai thác tốt, lúc này chính quyền địa phương cần có những chính sách hỗ trợ phương tiện, vốn vay giúp họ đầu tư khai thác du lịch. Hỗ trợ kinh phí để người dân có vốn mở ra những quầy hàng lưu niệm phục vụ khách du lịch hay những dịch vụ khác trong du lịch.

Miễn thuế kinh doanh năm đầu với một số hộ gia đình kinh doanh dịch vụ phục vụ khách. Hỗ trợ cho người dân vốn ưu đãi để họ cải thiện cuộc sống, có điều kiện làm tốt công tác vệ sinh nơi du lịch, không vứt rác bừa bãi làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái khu du lịch. Khi đời sống nâng cao thì con người trở nên văn minh hơn và khi họ thấy được lợi ích từ du lịch thì họ sẽ có ý thức bảo vệ môi trường và làm du lịch tốt hơn. Họ sẽ có ý thức tự giác bảo vệ khu du lịch sinh thái và góp phần tuyên truyền nhắc nhở du khách không làm ảnh hưởng đến môi trường khi tham quan du lịch.

Du lịch sinh thái phụ thuộc rất nhiều vào cộng đồng và cũng ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống của họ vì vậy phải chia sẻ với cộng đồng lợi ích từ nguồn thu lệ phí du lịch để hỗ trợ phát triển cộng đồng địa phương cho họ thấy được lợi ích từ hoạt động du lịch sinh thái, giúp đỡ nhân dân địa phương học cách quản lý tài nguyên, giúp họ có điều kiện tham gia quản lý du lịch thể hiện vai trò làm chủ của họ với du lịch biển đảo.

Ban quản lý và chính quyền địa phương cần nên đưa ra những công việc mà người dân địa phương có thể làm nếu như tham gia vào hoạt động du lịch. Tổ chức làng sản xuất sản phẩm thủ công, đồ lưu niệm phục vụ du khách là một cách thức tăng nguồn thu cho cư dân địa phương. Bên cạnh đó nên tạo cơ hội cho họ tham gia vào các dịch vụ hơn nữa như: cho khách thuê phương tiện vận chuyển, hướng dẫn lặn bèo ngư, câu mực, phục vụ ăn uống, lưu trú...tạo cho họ nguồn thu nhập chính từ du lịch.

3.2.3. Giải pháp về đào tạo và phát triển nhân lực du lịch

Nguồn nhân lực chính là mấu chốt trong việc tạo ra chất lượng các sản phẩm du lịch tại địa phương. Vì vậy, cần đưa ra hoạt động đào tạo nguồn nhân lực lâu dài có tính chiến lược. Trên thực tế nguồn nhân lực phục vụ du lịch tại đảo Cô Tô chưa thực sự được đào tạo bài bản, chưa có đầy đủ khả năng đáp ứng những yêu cầu của du lịch. Hầu hết các cơ sở phục vụ du lịch đều là của tư nhân, hay nói cách khác là do người dân địa phương tự đứng ra xây dựng. Chính vì vậy, các thiết bị cũng như các sản phẩm chưa thực sự đáp ứng chất lượng cao. Bên cạnh đó đều là do lao động trong gia đình, họ chưa được đào tạo làm du lịch chuyên nghiệp. Điều này ảnh hưởng đến chất lượng của các sản phẩm du lịch, cũng như hiệu quả kinh tế. Do đó, để có thể nâng cao chất lượng du lịch việc cần thiết là phải đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thì chính quyền địa phương cần quan tâm tới việc đào tạo cán bộ làm kinh doanh du lịch tại đảo Cô Tô. Vì đội ngũ cán bộ huyện cũng như ban quản lý du lịch là những người trực tiếp tham gia vào công tác quản lý hoạt động du lịch và sự phát triển của các mô hình du lịch tại địa phương. Vì vậy, nên quan tâm tới việc đào tạo trình độ chuyên môn cũng như trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ. Nên tập trung vào mở các lớp đào tạo ngắn hạn, tham gia nghiên cứu các mô hình hoạt động du lịch bền vững trong cả nước. Đồng thời Ban quản lý nên liên hệ với một số cơ sở đào tạo du lịch như: Trường ĐH Dân Lập Hải Phòng, trường cao đẳng nghề du lịch và dịch vụ Hải Phòng, trường Cao đẳng du lịch Hà Nội, viện Đại học Mở Hà Nội, trường Đại học văn hóa Hà Nội...nhằm phối hợp mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ.

Bên cạnh đó cần quan tâm tới việc nâng cao trình độ dân trí cho cộng đồng địa phương về du lịch sinh thái, vì họ là những người trực tiếp tham gia vào hoạt động du lịch. Đảo Cô Tô nằm cách xa đất liền vì vậy trình độ của người dân còn thấp so với mặt bằng chung ở các điểm du lịch khác. Chính vì chuyên môn nghiệp vụ chưa cao nên họ chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu của

du khách. Vì thế tỉnh Quảng Ninh cũng như huyện Cô Tô cần mở các khóa đào tạo nghề cho các hộ dân trực tiếp tham gia du lịch. Hình thức chủ yếu là mở các lớp đào tạo ngắn hạn, kết hợp với các trung tâm đào tạo nghề nâng cao tay nghề phục vụ cho người dân địa phương. Ngoài ra, cần thường xuyên có kế hoạch kiểm tra chất lượng phục vụ của các hộ dân, để đưa ra những bài học kinh nghiệm, cũng như tiếp tục nâng cao nghiệp vụ trong công tác phục vụ khách du lịch.

Ngoài ra, nên tập trung vào các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị tài nguyên du lịch, mục đích và vai trò của du lịch. Từ đó giúp cho cộng đồng địa phương hiểu sâu sắc hơn về tầm quan trọng và lợi ích việc làm du lịch tại địa phương. Bên cạnh đó, địa phương cũng nên có kế hoạch đào tạo người dân bản địa trở thành những hướng dẫn viên, trực tiếp hướng dẫn khách tại đảo. Chính quyền địa phương có thể cử họ đi học các khóa học đào tạo về du lịch, nhằm nâng cao tri thức, am hiểu về nghiệp vụ hướng dẫn, cũng như trau dồi và nâng cao vốn ngoại ngữ. Từ đó học trở về địa phương và trở thành những hướng dẫn viên chuyên nghiệp.

Khuyến khích các hộ dân học tập lẫn nhau, những hộ mới nên tham khảo kinh nghiệm của những hộ đã có kinh nghiệm phục vụ khách du lịch. Có thể tổ chức các buổi gặp mặt giữa các hộ dân trong Huyện, thành phố nhằm trao đổi những bài học kinh nghiệm về việc cung cấp các sản phẩm phục vụ du lịch. Đồng thời nên giáo dục nâng cao trình độ dân trí, cách ứng xử của người dân địa phương đối với khách du lịch để có thể phát triển du lịch sinh thái.

3.2.4. Giải pháp về phát triển sản phẩm du lịch sinh thái

Để khu du lịch ngày càng phát triển và trở thành điểm đến của du khách cũng như khẳng định được thương hiệu của mình trong lĩnh vực du lịch thì khu du lịch cần phải đặt ra những mục tiêu phát triển bên cạnh những mục tiêu chung là phát triển du lịch bền vững. Huyện Cô Tô cần thường xuyên nghiên cứu, tận dụng thế mạnh của mình tạo ra những sản phẩm mới độc đáo, hấp dẫn với du khách và mang tính đặc trưng của du lịch biển. Nếu không đổi mới sản

phẩm sẽ tạo ra sự nhàm chán với du khách và họ sẽ không muốn quay trở lại trong những chuyến du lịch sau. Vì vậy, ban quản lý khu du lịch cần xây dựng những chiến lược sản phẩm phù hợp với chiến lược của khu và có thể cạnh tranh trên thị trường du lịch.

Huyện đảo Cô Tô là một khu du lịch sinh thái có lợi thế về tự nhiên nên đa dạng hóa sản phẩm du lịch, dịch vụ vẫn phải gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững, bảo tồn giá trị tự nhiên, văn hóa, lịch sử, bảo vệ môi trường sinh thái. Ngoài các sản phẩm chính mang tính đặc trưng của khu du lịch thì cần bổ sung thêm một số dịch vụ đáp ứng nhu cầu của du khách.

Tổ chức thêm các hoạt động mang tính đặc trưng của du lịch sinh thái cho du khách để đa dạng các hoạt động, phát triển du lịch sinh thái gắn với cộng đồng địa phương để tạo ra nét đặc trưng của sản phẩm du lịch sinh thái Cô Tô, chẳng hạn du lịch gắn với nghề truyền thống,

Cô Tô cần mở thêm những dịch vụ cho thuê phương tiện du lịch như xe đạp đôi để du khách tự mình tham quan du lịch, leo núi. Ngoài ra còn cho du khách thuê thuyền phao chèo thuyền du lịch, áo phao an toàn cho khách.

Bên cạnh đa dạng hóa sản phẩm du lịch cần phải nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách. Tài nguyên thiên nhiên, hệ sinh thái, các loại động vật quý hiếm là thế mạnh của khu du lịch, vì vậy khai thác du lịch phải tính đến bảo tồn giá trị ban đầu của tài nguyên, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, xây dựng nhưng không phá vỡ cảnh quan thiên nhiên, không xây dựng bừa bãi thiếu quy hoạch làm ảnh hưởng đến môi trường.

Thái độ phục vụ chuyên nghiệp, nhiệt tình có quyết định đối với việc khách quay trở lại khu du lịch hay không, vì vậy trước hết phải thường xuyên kiểm tra bồi dưỡng người làm du lịch tại khu du lịch. Thái độ của người phục vụ phải nhiệt tình, chu đáo, hiếu khách, làm cho khách cảm thấy thoải mái và ấn tượng khu đến du lịch.

Dịch vụ ăn uống khu du lịch phải đảm bảo tính đa dạng về món ăn đặc trưng là hải sản biển như tôm, cua, ghẹ, tu hài, sôm... Các món ăn chế biến mang đậm hương vị biển đảo, tạo điểm ấn tượng cho du khách.

Cơ sở vật chất an toàn và có thể đáp ứng được nhu cầu của du khách. Các mặt hàng lưu niệm phải có mẫu mã đẹp, khắc ghi kỷ niệm đảo Cô Tô. Giá cả khu du lịch phải đảm bảo đúng giá trị sản phẩm, tránh tình chèo kéo và “chặt chém.” khách.

3.2.5. Giải pháp về quy hoạch phát triển du lịch sinh thái

****Giải pháp về quy hoạch chung***

Trong bản quy hoạch phát triển du lịch tại huyện Cô Tô nằm trong “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch huyện Cô Tô giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030”.

Bản quy hoạch cần phải chi tiết, cụ thể và mang tính khoa học cao để phù hợp với từng địa điểm, từng giai đoạn quy hoạch du lịch. Quy hoạch phát triển du lịch sinh thái biển Cô Tô phải tuân thủ các nguyên tắc của du lịch sinh thái để từ đó tạo ra mối quan hệ giữa cộng đồng địa phương với hoạt động du lịch, góp phần quan trọng vào việc bảo tồn và phát huy những giá trị tự nhiên và văn hóa truyền thống.

Tại khu du lịch, tất cả những dịch vụ phục vụ khách du lịch như những quầy hàng lưu niệm, những quán bán lưu niệm, nước uống, các quán ăn nhỏ phục vụ gần điểm du lịch phải được quy hoạch thành một khu bán hàng riêng, chia ra thành từng gian hàng giống như những quán nhỏ, tránh tình trạng bán rải rác tại các điểm đơn lẻ, không có lán che gây mất mỹ quan và như vậy sẽ tạo cảm giác không chuyên nghiệp khi phục vụ du lịch. Khi xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng cũng phải đảm bảo tính khoa học, có khoảng cách thích hợp nhất định để không làm phá vỡ cảnh quan tự nhiên của khu du lịch và không làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

**Giải pháp về xây dựng*

Hiện nay tại khu du lịch đảo Cô Tô vẫn đang trong quá trình xây dựng nên hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng của khu du lịch hiện vẫn chưa hoàn thiện. Xung quanh khu du lịch dân còn thưa thớt, rải rác, đất đai hầu như bỏ trống nên việc quy hoạch xây dựng hệ thống cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng là rất thuận lợi, không mất thời gian giải phóng mặt bằng. Để khu du lịch không bị mất cảnh quan cần quy hoạch thành các khu chuyên biệt riêng như khu ăn uống, khu khách sạn, khu vui chơi giải trí...

Về hệ thống cơ sở vật chất

Tại mỗi khu du lịch, hệ thống các khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc phát triển của khu. Đảo Cô Tô là khu du lịch sinh thái có môi trường trong lành, cảnh quan còn nguyên sơ nên khi xây dựng hệ thống nhà hàng khách sạn có thể thiết kế theo một kiến trúc riêng biệt hòa hợp với thiên nhiên, đảm bảo một không gian thoáng rộng, tiện nghi. Các nhà hàng, quán ăn xây dựng thành một khu phục vụ các món ăn cho khách từ các món ăn bình dân đến những món ăn đặc sản mang nét đặc trưng của vùng. Khi chế biến món ăn phải đảm bảo vệ sinh an toàn cho khách.

Hệ thống các cơ sở dịch vụ và các khu vui chơi giải trí: Quy hoạch các khu cung cấp các dịch vụ và khu vui chơi giải trí cho khách du lịch khi đến đảo Cô Tô cần được tiến hành xây dựng. Nếu một khu du lịch, điểm khu du lịch mà thiếu các dịch vụ cung cấp cho khách du lịch thì khu, điểm du lịch sẽ không phát triển được. Sự tiện nghi về cơ sở vật chất và thái độ phục vụ khách nhiệt tình, chu đáo, chất lượng dịch vụ tốt sẽ là yếu tố quan trọng quyết định thời gian nghỉ lại và sự quay lại của du khách.

Về hệ thống cơ sở hạ tầng

Mạng lưới giao thông: Huyện Cô Tô cần xây dựng mạng lưới giao thông đường thủy nối Vân Đồn với Thanh Lân tạo điều kiện cho khách tham quan các khu du lịch gắn kết với nhau. Bên cạnh đó cần chú trọng xây dựng nâng cấp các tuyến đường tại thị trấn Cô Tô tạo nên một khu du lịch sinh thái bền vững.

Về hệ thống điện

Trong tương lai hệ thống nhà hàng khách sạn, các khu vui chơi giải trí được xây dựng sẽ cần một lượng điện rất lớn phục vụ hoạt động của các bộ phận này. Để đảm bảo cung cấp đủ lượng điện cho khu du lịch huyện Cô Tô trong thời gian tới cần xây dựng thêm một trạm điện gần khu du lịch đảm bảo cung cấp điện thường xuyên và liên tục cho hoạt động du lịch tại đây. Vào mùa cao điểm về du lịch tránh tình trạng cắt điện luân phiên gây ảnh hưởng không tốt đến hoạt động du lịch, cần lắp đặt ở thị trấn Cô Tô, đảo Thanh lân, đảo Cô Tô con một số máy phát điện dự phòng với công suất lớn. Như vậy với quy mô lớn nhưng khu du lịch sẽ luôn hoạt động bình thường, không bị gián đoạn, luôn đáp ứng mọi nhu cầu của du khách. Lắp đặt các thiết bị sử dụng năng lượng thiên nhiên góp phần tiết kiệm điện.

Hệ thống thu gom và xử lý rác thải

Đảo Cô Tô là khu du lịch sinh thái nên việc phát triển du lịch luôn gắn với phát triển bền vững nên trong quá trình khai thác du lịch cần chú ý bảo vệ môi trường tự nhiên, cảnh quan thiên nhiên, các giá trị lịch sử tại các điểm trong đảo Cô Tô. Xây dựng các nhà vệ sinh công cộng tránh tình trạng du khách vứt rác bừa bãi khi tham quan. Sau mỗi ngày cần có nhân viên môi trường thu gom rác thải chuyển đến nơi khác để xử lý nhằm đảm bảo môi trường du lịch sinh thái luôn trong lành.

3.2.6. Giải pháp thu hút đầu tư, tăng cường quảng bá du lịch sinh thái

Giải pháp thu hút đầu tư

Đối với nguồn vốn trong nước, trước hết phải sử dụng một cách có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho việc phát triển du lịch của tỉnh Quảng Ninh nói chung, phát triển du lịch huyện Cô Tô nói riêng; phải đề ra những kế hoạch cụ thể sử dụng vốn với những mục đích rõ ràng, tránh lãng phí, thất thoát. Vì là khu du lịch mới nên hầu như ngoài tài nguyên vốn có thì huyện Cô Tô chưa có được những cơ sở vật chất, dịch vụ như những khu du lịch khác. Chính vì vậy, Huyện Cô Tô nên sử dụng nguồn vốn đầu tư ngân sách nhà nước

để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng thiết yếu như: hệ thống giao thông, hệ thống điện, nước, thông tin liên lạc, chỗ ăn, chỗ nghỉ cho khách khi đến tham quan tại khu

Huy động vốn từ nguồn tích lũy trong tỉnh: Với tỉ lệ khoảng 10-15% GDP du lịch. Với tỉ lệ này khả năng đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư cần thiết cho du lịch của toàn tỉnh là 60%. Đây thực sự là giải pháp tích cực về vốn cho phép huyện Cô Tô có điều kiện phát triển trên cơ sở thực hiện xã hội hóa phát triển du lịch.

UBND tỉnh Quảng Ninh, Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch Quảng Ninh, UBND huyện Cô Tô cần có sự phối hợp chặt chẽ trong việc đưa ra những chính sách cho đầu tư, phát triển, tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho những doanh nghiệp tư nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, tránh những thủ tục hành chính rắc rối chông chéo. Hơn nữa, trong thời gian đầu cần có những chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp về thuế, phí đất, thời hạn thuê đất, nguồn nhân lực, tạo sự bình đẳng giữa đầu tư trong và ngoài nước, giữa tư nhân và nhà nước... để tạo cơ hội thu hút vốn đầu tư cho việc phát triển khu du lịch.

Để khu du lịch sinh thái biển Cô Tô trở thành khu du lịch mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế thì huyện Cô Tô phải hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng tốt. Biển Cô Tô là khu du lịch có thể mạnh về tiềm năng du lịch sinh thái và quy mô rộng lớn, huyện Cô Tô thu hút vốn đầu tư trong nước là chưa đủ mà phải có chính sách huy động vốn đầu tư của nước ngoài. Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch Quảng Ninh phải đưa ra chiến lược tuyên truyền, quảng bá về khu du lịch và môi trường đầu tư thuận lợi, các ưu đãi đặc biệt cho đầu tư, khả năng triển vọng khi đầu tư vào khu du lịch... Để từ đó huy động được các nguồn vốn đầu tư lớn nhỏ: Nguồn vốn đầu tư trực tiếp (FDI), các nguồn viện trợ không hoàn lại (ODA) hoặc các khoản tín dụng khác. Trong đó, nguồn vốn đầu tư trực tiếp (FDI) xây dựng những công trình có quy mô lớn nhỏ hệ thống nhà hàng, khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, hệ thống dịch vụ cao cấp, các cơ sở vui chơi giải trí hiện đại và có quy mô lớn cho khách du lịch. Nguồn vốn viện trợ không hoàn lại (ODA) dùng để xây dựng cơ sở hạ tầng,

hỗ trợ bảo tồn hệ sinh thái, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn, tôn tạo các di tích văn hóa lịch sử...

Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch Quảng Ninh cần thể hiện vai trò của mình trong công tác quản lý và sử dụng nguồn vốn. Việc sử dụng nguồn vốn đầu tư một cách có hiệu quả là vô cùng quan trọng. Nếu sử dụng nguồn vốn đầu tư không có kế hoạch, không có mục đích cụ thể thì việc huy động vốn đầu tư sẽ trở nên vô nghĩa. Phải đưa ra kế hoạch sử dụng vốn đầu tư trong từng giai đoạn cụ thể tránh sử dụng tràn lan không có hiệu quả. Bên cạnh đó, Sở du lịch Quảng Ninh cần kiểm tra giám sát đối với các hoạt động quy hoạch có sử dụng vốn đầu tư tại khu du lịch, tránh tình trạng tham ô, gây lãng phí thất thoát nguồn vốn.

Giải pháp tăng cường quảng bá du lịch sinh thái

Hoạt động quảng bá tiếp thị khách du lịch đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển khu du lịch sinh thái Cô Tô. Huyện đảo Cô Tô là khu du lịch sinh thái mới đưa vào khai thác ở giai đoạn đầu nên việc tăng cường quảng bá du lịch là rất cần thiết để đưa ra hình ảnh biển đảo ngoài xa của Tổ Quốc đến với khách du lịch trong nước và quốc tế.

Trước hết ban quản lý cần lập ra một bộ phận marketing chuyên phụ trách hoạt động quảng cáo, tiếp thị hình ảnh của du lịch đảo Cô Tô với nhiều hình ảnh khác nhau. Bộ phận này cần đề ra một chiến lược cụ thể, thực hiện một cách đồng bộ, chuyên nghiệp. Nghiên cứu sản phẩm dịch vụ du lịch, nghiên cứu thị trường khách hàng tiềm năng để đưa ra những kế hoạch hợp lý, mang lại hiệu quả cao.

Sở Du lịch tỉnh Quảng Ninh, UBND huyện Cô Tô cần phối hợp với phương tiện thông tin đại chúng như: Đài phát thanh, đài truyền hình, Tạp chí du lịch Việt Nam để tăng cường quảng cáo, tạo dựng hình ảnh du lịch biển đảo Cô Tô. Đây là hình thức quảng cáo truyền thông mang lại hiệu quả cao. Ngoài ra còn có thể sử dụng những hình thức quảng cáo hiện đại như làm băng đĩa hình ảnh, trang web quảng cáo...

Có những chính sách ưu đãi giảm giá vé tàu cao tốc cho học sinh, sinh viên, đặc biệt sinh viên các trường du lịch vì chính họ là người quảng cáo cho hình ảnh du lịch của huyện Cô Tô.

Ngoài ra, huyện Cô Tô cần kết hợp với công ty lữ hành, cung cấp thông tin cho họ, có thể mời các hướng dẫn viên của công ty lữ hành tham gia các lớp học, các buổi hội thảo về du lịch, để họ có thêm kiến thức truyền đạt với du khách họ nhận tours. Những công ty này góp phần rất lớn trong việc đưa hình ảnh của Cô Tô đến du khách đặc biệt là khách nước ngoài vì chính họ là những người thường xuyên tiếp xúc với du khách và cung cấp một lượng lớn du khách cho khu du lịch.

Đội ngũ hướng dẫn viên và cộng đồng địa phương làm du lịch là những người trực tiếp phục vụ khách du lịch nên phải thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng và bổ sung những thông tin mới cho họ. Trên thực tế cộng đồng địa phương là những người hiểu biết sâu sắc về khu du lịch. Họ hướng dẫn cho khách, giúp khách hiểu tầm quan trọng của bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho khách, làm cho chuyên du lịch của khách có ý nghĩa hơn, làm cho du khách có ý muốn quay lại hơn. Đây cũng là một cách tốn ít chi phí quảng cáo mà vẫn mang lại hiệu quả cao.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 nêu ra các định hướng để phát triển du lịch đảo Cô Tô. Bên cạnh đó khóa luận cũng đưa ra các giải pháp để nhằm thúc đẩy du lịch phát triển. Các giải pháp để thực hiện rất đa dạng bao gồm các giải pháp trước mắt và giải pháp lâu dài như: giải pháp về cơ chế chính sách, quy hoạch đầu tư, cơ sở hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao trình độ cán bộ, hướng dẫn viên, cộng đồng địa phương, an ninh quốc phòng... tất cả các định hướng và giải pháp trên cần được thực hiện đồng bộ và có sự phối hợp chặt chẽ của các bên tham gia du lịch.

KẾT LUẬN

Sau khi nghiên cứu và đánh giá các tiềm năng, hiện trạng và định hướng phát triển du lịch huyện đảo Cô Tô, em xin được đưa ra một số kết luận như sau: Quan điểm phát triển du lịch biển đảo là một trong những quan điểm mới trong chiến lược phát triển của ngành du lịch dựa trên sử dụng tài nguyên tự nhiên và nhân văn một cách hợp lý nhằm khai thác tốt nhất giá trị của các tài nguyên du lịch. Nâng cao năng lực quản lý, góp phần cải thiện kinh tế địa phương, giáo dục người dân, khách du lịch về bảo vệ môi trường tự nhiên.

Cô Tô là huyện đảo nằm trong vịnh Bắc Bộ, có tiềm năng về tự nhiên và nhân văn vô cùng phong phú và đa dạng. Tuy nhiên do vị trí địa lý nằm cách xa đất liền nên du lịch còn là khái niệm tương đối mới mẻ, phát triển chưa xứng tầm với tiềm năng của mảnh đất này. Cần có những biện pháp quảng bá nhằm thu hút sự chú ý của báo giới, thông tin đại chúng cũng như các nhà quản lý, thiết kế tour của công ty du lịch...nhằm thúc đẩy phát triển du lịch đảo Cô Tô.

Hiện trạng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch của huyện đảo còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu của du khách, đặc biệt là dịp cuối tuần, ngày lễ hoặc ngày hè. Do đó chính quyền địa phương và thành phố cần tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng vật chất phù hợp đảm bảo phục vụ nhu cầu của du khách. Tuy nhiên, việc nâng cấp và xây dựng mới những cơ sở này vẫn phải đảm bảo tính hợp lý, hài hòa với phong cảnh của đảo.

Bên cạnh các biện pháp đưa ra như cải thiện cơ chế chính sách đầu tư, cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao năng lực và trình độ của đội ngũ cán bộ hoạt động trong ngành du lịch, thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương...thì cần có những biện pháp nghiên cứu tiếp nhằm góp phần cho các hoạt động phát triển du lịch sinh thái tại đảo Cô Tô hoàn chỉnh hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu

- 1.1. Bùi Khắc Bằng (2004), *Du lịch sinh thái - những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*.
- 1.2. Cục Môi trường , *Du lịch sinh thái - Hướng dẫn các nhà lập kế hoạch và quản lý*, NXB tháng 1.1999.
- 1.3. Phạm Trung Lương (2002), *Du lịch sinh thái những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*, NXB Giáo dục.
- 1.4. Phạm Trung Lương (2004), *Du lịch sinh thái - những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*, NXB Hà Nội.
- 1.5. Phòng văn hóa du lịch huyện Cô Tô (2017), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2015-2017, phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2018*.
- 1.6. Sở Văn hóa và Du lịch tỉnh Quảng Ninh (2018), *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh đến năm 2019 xây dựng quy hoạch đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030*.

2. Internet

- 2.1. Các sản phẩm du lịch/: <http://coto.gov.vn/danh-muc/san-pham-du-lich>
- 2.2. Cô Tô thiên đường du lịch biển đảo/: <http://baoquangninh.com.vn/du-lich/201805/co-to-thien-duong-du-lich-bien-dao-2384686/>
- 2.3. Cô Tô du lịch hè /:<http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/26284>